



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 44 (từ 2/11 - 06/11/2015)

BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực
**CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: trangtin@mard.gov.vn

Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Thị trường hàng hóa thế giới tuần qua chịu tác động từ đồng USD lên giá và số liệu tích cực về kinh tế Mỹ. Báo cáo của hãng phân tích dữ liệu Automated Data Processing (ADP) cho thấy số việc làm trong lĩnh vực tư nhân tăng 182.000 trong tháng 10/2015. Chỉ số về đơn hàng xuất khẩu cũng tăng lên 54,5, đây là một dấu hiệu khả quan cho các doanh nghiệp Mỹ. Sự tích cực của các con số thống kê trên đã làm tăng dự đoán Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ nâng lãi suất tại cuộc họp chính sách tháng 12 tới.

Thị trường thế giới: Thị trường gạo châu Á ổn định trong tuần qua. Giá cà phê kỳ hạn tăng do tình trạng khô hạn đang tiếp diễn ở Minas Gerais, khu vực trồng cà phê lớn nhất của Brazil.

Giá đường tăng do sản lượng đường toàn cầu dự báo giảm do hiện tượng El Nino. Thời tiết ẩm ướt cũng đang gây ảnh hưởng đến vụ thu hoạch mía tại khu vực Trung Nam Brazil và làm giảm lượng đường trong mía.

Giá hạt tiêu giao ngay tại thị trường Ấn Độ tuần này tiếp tục tăng nóng trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt và nhu cầu trong nước cao. Dịch bệnh kết hợp với việc hạn chế thả nuôi đã đẩy giá tôm Ấn Độ tăng trong tuần qua.

Giá lợn hơi thị trường Chicago, Mỹ giảm do nguồn cung tiếp tục gia tăng trong khi nhu cầu ở mức thấp.

Thị trường trong nước: Thị trường xuất khẩu gạo tiếp tục sôi động khiến giá lúa gạo trong nước có xu hướng tăng trong tuần qua. Giá tôm thẻ chân trắng tại các tỉnh ĐBSCL cũng tiếp tục tăng do nhu cầu thị trường tăng trong khi sản lượng tôm năm nay của Thái Lan không đạt như kỳ vọng.

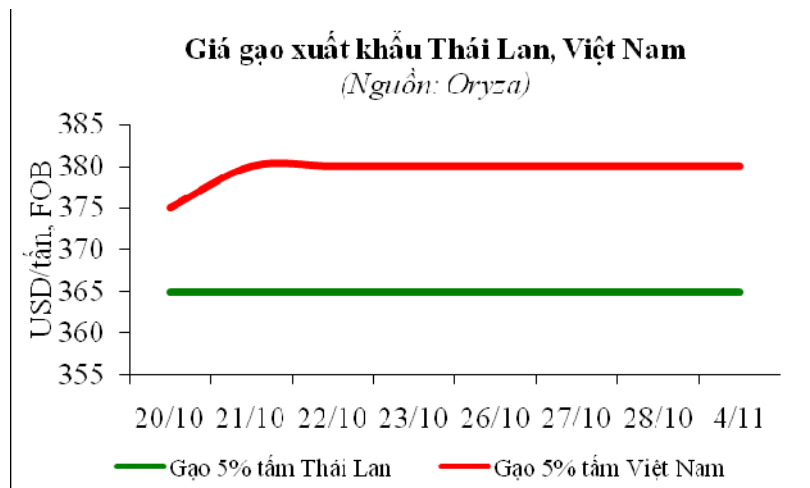
Thị trường phân bón trong nước ổn định nhờ nguồn cung dồi dào.

Giá gà công nghiệp Đồng Nai giảm do nguồn cung dư thừa và gà nhập khẩu số lượng lớn từ các nước với giá rẻ. Giá gà ta bán buôn cho các thương lái tại Hà Nội hạ nhiệt từ một, hai tháng nay chủ yếu do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu tiêu thụ không có gì đột biến.

LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Thị trường gạo châu Á ổn định trong tuần qua. Gạo 5% tẩm của Việt Nam tiếp tục giữ ở mức 375 – 380 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn), gạo 25% tẩm tăng từ 360 USD/tấn lên 365 USD/tấn. Gạo tiêu chuẩn 5% tẩm của Thái Lan ổn định ở mức 360 – 365 USD/tấn (FOB Băng Cốc).



Theo Reuters, Hiệp hội xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA) đã đồng ý thanh toán chi phí lưu kho khoảng 100.000 tấn gạo thom trong vụ thu hoạch mới như một phần trong các biện pháp ổn định giá gạo trong thời gian thu hoạch. Theo người đứng đầu TREA, hiệp hội sẽ mua khoảng 100.000 tấn gạo thom từ nông dân với giá 26.000 Baht/tấn (728 USD) và dự trữ trong vòng 3 tháng. Hiệp hội sẽ cung cấp khoảng 3,1 tỷ Baht, kể cả 2,6 tỷ Baht (73 triệu USD) để mua gạo và 500 triệu Baht (1,41 triệu USD) cho chi phí lưu kho. Biện pháp này nhằm giúp nông dân không phải bán lúa gạo với giá thấp trong vụ thu hoạch. Tuần trước, chính phủ Thái Lan đã dành ra 40 tỷ Baht (1,13 tỷ USD) nhằm đưa ra các biện pháp hỗ trợ cho nông dân trồng lúa bị ảnh hưởng của hạn hán. Chính phủ cũng khuyến khích thương nhân mua 3 triệu tấn lúa để hạn chế tình trạng thừa cung và ổn định giá.

Chính phủ Indonesia cũng đã ký thỏa thuận nhập khẩu 500.000 tấn gạo của Thái Lan. Tuy nhiên, 2 bên vẫn chưa thống nhất về giá, chủng loại và thời gian giao hàng. Hợp đồng sẽ sớm được ký và nếu trong những tuần tới không có mưa, Indonesia sẽ nhập khẩu gạo. Trước đó, Indonesia cũng đã ký thỏa thuận với Việt Nam để nhập khẩu 1,5 triệu tấn gạo nếu cần thiết.

Cơ quan thống kê Indonesia ước tính, sản lượng lúa của nước này năm 2015 (chưa tính đến tác động của hiện tượng El Nino) đạt 74,99 triệu tấn, giảm nhẹ so với 75,55 triệu tấn năm trước. Trước tình trạng khô hạn, giới phân tích dự đoán Indonesia sẽ nhập khẩu 1,6 triệu tấn gạo trong năm nay. Hiện lượng gạo lưu kho của chính phủ là 1,5 triệu tấn.

LÚA GẠO



Theo số liệu của Cục Thống kê Nông nghiệp Philippines (BAS), lượng gạo dự trữ của Philippines trong tháng 10/2015 tăng trở lại sau khi giảm 4 tháng liên tiếp, chủ yếu do nhập khẩu tăng. Lượng gạo lưu kho trong tháng 10 đạt 2,2 triệu tấn, tăng 12,2% so với 1,96 triệu tấn trong tháng 9 và tăng 21,5% so với 1,81 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái. Lượng gạo dự trữ của hộ gia đình trong tháng 10 đạt 780.000 tấn (chiếm 35,4% tổng lượng gạo dự trữ), giảm 6% so với 830.000 tấn cùng kỳ năm ngoái; lượng gạo dự trữ thương mại 670.000 tấn (chiếm 34,3%), tăng 29% so với cùng kỳ; và dự trữ của Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) 750.000 tấn (chiếm 30,3%), tăng 67% so với 450.000 tấn cùng kỳ.

Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2015-16 đạt 474 tấn, giảm 1% so với 478 triệu tấn của niên vụ trước và giảm so với 477 triệu tấn dự báo trước đó. IGC cho biết, thương mại gạo toàn cầu 2015-16 đạt khoảng 42 triệu tấn, không đổi so với niên vụ trước và dự báo trước đó.

Tiêu thụ gạo toàn cầu 2015-16 tăng 1% lên 487 triệu tấn so với 483 triệu tấn của niên vụ trước, nhưng giảm nhẹ so với 488 triệu tấn dự báo trước đó. Tồn kho cuối vụ đạt khoảng 94 triệu tấn, giảm 1% so với 107 triệu tấn của niên vụ 2014-15 và giảm 1 triệu tấn so với 95 triệu tấn dự báo trước đó.

Trong báo cáo triển vọng ngành hàng lúa gạo tháng 10, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cũng dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2015-16 đạt 474 triệu tấn, giảm 1% so với niên vụ trước do diện tích cũng như năng suất giảm. USDA cũng dự báo thương mại gạo toàn cầu năm 2015 đạt 42,4 triệu tấn, giảm 2% so với 43,2 triệu tấn năm trước.

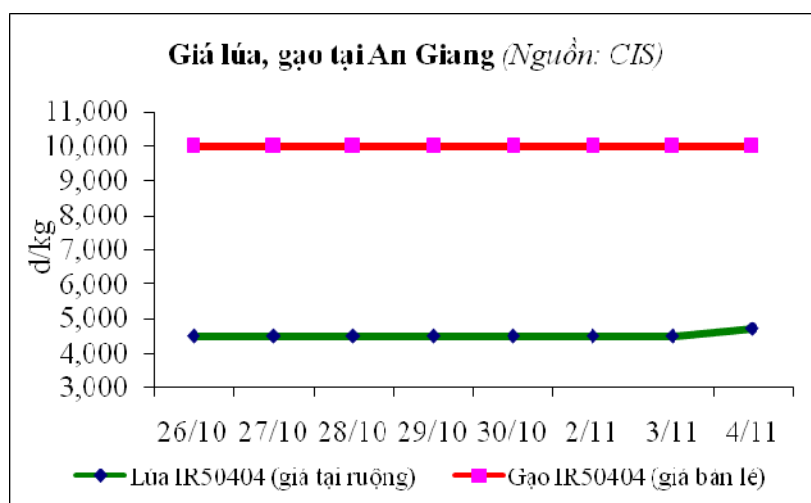
USDA Post ước tính xuất khẩu gạo của Ấn Độ niên vụ 2015-2016 đạt 9 triệu tấn, giảm 24% so với 11,8 triệu tấn năm trước do nguồn cung thắt chặt. Xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm dương lịch 2015 đạt kỷ lục 11,5 triệu tấn. Dự đoán, xuất khẩu gạo vẫn tiếp tục ổn định trong những tháng cuối năm 2015 do giá nội địa ở mức thấp và nhu cầu xuất khẩu ổn định. Ước sản lượng gạo của Ấn Độ niên vụ 2015-2016 đạt 103 triệu tấn, giảm so với 104,8 triệu tấn niên vụ 2014-2015.

Chính phủ Ấn Độ đã bắt đầu thu mua gạo trong niên vụ 2015-2016. Tính đến 25/10/2015 Chính phủ Ấn Độ đã thu mua được 6,54 triệu tấn so với 5,05 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái. Ấn Độ đặt mục tiêu thu mua 30 triệu tấn trong niên vụ này. Giá gạo nội địa tại Ấn Độ trong tháng 10 giảm và dự đoán tiếp tục giảm trong tháng 11 do vào vụ thu hoạch. Tồn kho cuối vụ niên vụ 2015-2016 ước đạt 12,66 triệu tấn, giảm so với 17,7 triệu tấn niên vụ 2014-2015 và giảm so với 11,906 triệu tấn ước tính chính thức của USDA.

LÚA GẠO



Thị trường trong nước: Thị trường xuất khẩu gạo tiếp tục sôi động khiến giá lúa gạo trong nước có xu hướng tăng trong tuần qua. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, diễn biến giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua như sau: tại An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đ/kg lên 4.700 đ/kg; lúa OM 2514 tăng 200 đ/kg lên 4.800 đ/kg, lúa OM 2717 tăng 100 đ/kg lên 4.800 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá lúa khô ổn định ở mức 5.600 – 5.700 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa tẻ thường tăng 100 đ/kg lên 5.600 đ/kg, lúa dài tăng 100 đ/kg lên 5.800 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa Thu Đông giống IR50404 giữ ở mức 4.200 đ/kg.



Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), với các hợp đồng thương mại và tập trung đã ký kết, hoạt động xuất khẩu (XK) gạo trong nước sẽ đạt được mục tiêu đề ra của năm nay và đủ đơn hàng cho tới hết quý II/2016. Diễn biến của thị trường cho thấy những tháng cuối năm 2015 và đầu năm 2016 có nhiều thuận lợi cho XK gạo cũng như việc tiêu thụ lúa gạo cho nông dân.

Tình hình tiêu thụ lúa gạo từ nay đến cuối năm và tới hết quý I/2016 là rất khả quan. Các doanh nghiệp (DN) XK gạo vừa kết thúc đợt giao hàng 1 triệu tấn gạo cho Indonesia và đang thực hiện đơn hàng 450.000 tấn cho Philippin. Vấn đề đang nảy sinh chính là cân đối nguồn để đảm bảo thực hiện các đơn hàng đã ký. Vụ thu đông đã kết thúc nhưng lúa gạo hàng hóa còn tồn kho không nhiều, chỉ khoảng 1,5 triệu tấn. Hiện nay, các hợp đồng thương mại đã ký của doanh nghiệp là 1,3 triệu tấn, hợp đồng tập trung là 1,5 triệu tấn nên từ nay đến quý I/2016, nếu không có sự cân đối lượng lúa gạo hàng hóa thì việc giao hàng XK sẽ khó khăn.

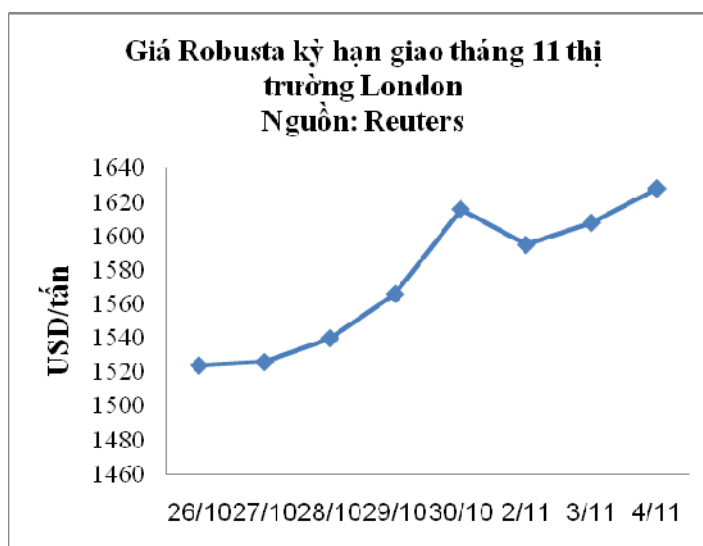
Dự báo, giá gạo XK của các hợp đồng thương mại sẽ tiếp tục ổn định từ nay đến cuối năm và đầu năm sau và tiêu thụ lúa gạo trong 6 tháng đầu năm 2016 sẽ ổn định.

CÀ PHÊ



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao ngay tháng 11 tăng 12 USD/tấn lên 1.628 USD/tấn. Giá cà phê kỳ hạn tăng do tình trạng khô hạn đang tiếp diễn ở Minas Gerais, khu vực trồng cà phê lớn nhất của Brazil. Tình hình khô hạn tại Brazil ngày càng nghiêm trọng hơn, ảnh hưởng mạnh đến vụ mùa cà phê của nước này. Nguồn cung cà phê thế giới đang bị đe dọa bởi hiện tượng El Nino được dự báo mạnh nhất nhiều thập kỷ qua.

Theo báo cáo thương mại tháng 9/2015 của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu niên vụ 2014/2015 chỉ đạt 110,75 triệu bao, giảm so với 114,24 triệu bao xuất khẩu trong niên vụ trước đó. Báo cáo còn nhấn mạnh xuất khẩu toàn cầu giảm lần đầu tiên sau 5 niên vụ cà phê liên tiếp. Sản lượng toàn cầu niên vụ cà phê 2014/2015 đạt tổng cộng 143,25 triệu bao, giảm 2,3% so với niên vụ trước, trong đó cà phê Arabica giảm 2,3% và cà phê Robusta cũng giảm 2,3%. Trái lại tiêu thụ cà phê toàn cầu năm 2014 đạt 149,2 triệu bao, duy trì mức tăng trung bình 2,3% từ năm 2011 tới nay.



Ngân hàng Commerzbank hạ dự báo sản lượng Robusta Việt Nam xuống còn khoảng 27,5 triệu bao, so với dự đoán 29-30 triệu bao trước đó. Giá trên sàn Robusta xuống từ 1.750 USD/tấn còn 1.700 USD/tấn cho 3 tháng cuối năm 2015 và 3 tháng đầu năm 2016.

Theo số liệu của Chính phủ Brazil, xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 10/2015 đạt kỷ lục 3,31 triệu bao, tăng so với 2,92 triệu bao trong tháng trước đó và 3,09 triệu bao cùng kỳ năm ngoái.

Theo số liệu của chính phủ Indonesia, xuất khẩu cà phê Robusta của Đảo Sumatra trong tháng 10/2015 đạt 435.932 bao, giảm 19.645 bao, (tương đương giảm 4,31%), so với cùng kỳ năm ngoái và trong cả niên vụ 2014-2015 (tháng 10 - tháng 9) đạt 4.696.081 bao, tăng 1.106.841 bao, (tương đương 30,84%), so với niên vụ trước.

Trước tình trạng khô hạn do hiện tượng El Nino, có thể kéo dài đến quý II/2016 và trước thời điểm thu hoạch vụ mùa mới, dự đoán sản lượng cà phê của Sumatra sẽ giảm, khiến xuất khẩu cà phê niên vụ 2015-2016 giảm theo.

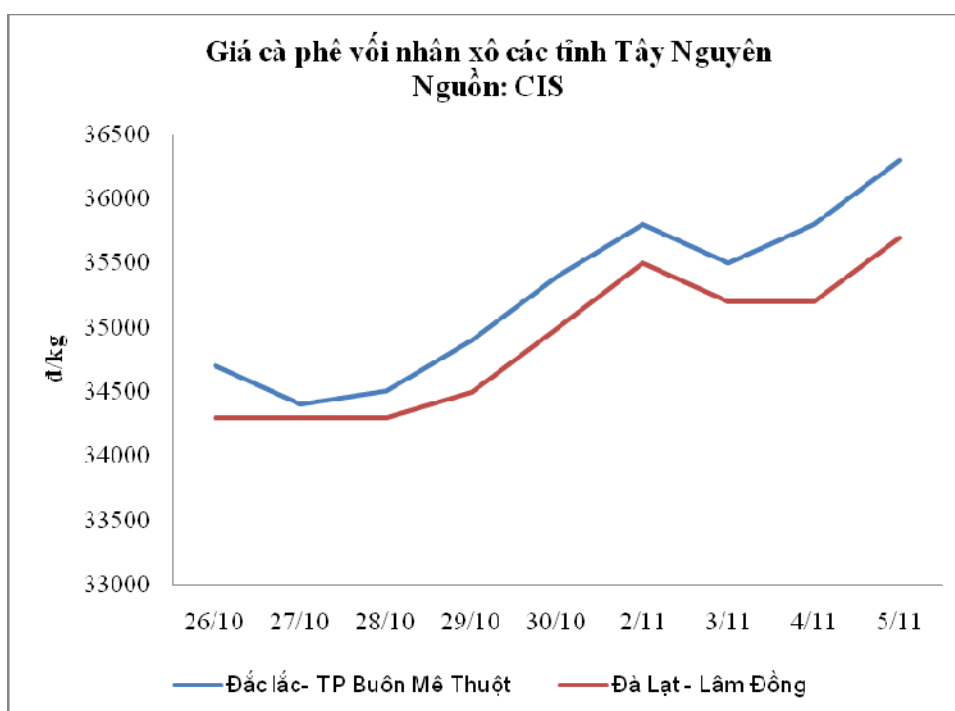
Viện Cà phê quốc gia IHCAFE của Honduras cho biết, xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 10 tăng 2,5%, đạt 21.315 bao (loại 60kg) so với mức 20.798 bao xuất cùng tháng năm ngoái. Theo Viện này ước tính, xuất khẩu cà phê từ quốc gia này tăng 9,9%, ước đạt 5,52 triệu bao trong niên vụ 2015/16.

CÀ PHÊ



Viện cà phê quốc gia ICAFE của Costa Rica cho biết, cũng trong tháng 10, tháng đầu tiên của niên vụ mới, xuất khẩu cà phê của nước này lại giảm 29,3%, chỉ đạt 20.234 bao (loại 60kg) so với mức 28.615 bao xuất cùng tháng vụ trước. Trong niên vụ trước, xuất khẩu cà phê của Costa Rica cũng đã giảm gần 7%.

Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 700 – 900 đ/kg lên 35.700 – 36.300 đ/kg; Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB tăng 65 USD/tấn lên 1.730 USD/tấn.



Tuy mới là đầu tháng và còn quá sớm để đánh giá chính xác hoạt động xuất khẩu cà phê tháng 11 của Việt Nam, nhưng với việc hoạt động mua bán vẫn diễn ra chậm chạp, giới thương nhân dự đoán xuất khẩu cà phê tháng 11 của Việt Nam đạt khoảng 1,5-1,8 triệu bao, chủ yếu là Robusta và là cà phê lưu kho từ vụ trước.

Những cơn mưa phần nào đang gây gián đoạn vụ thu hoạch mới, nhưng vẫn không gây áp lực buộc nông dân và thương nhân nội địa Việt Nam phải xả bán lượng cà phê lưu kho từ vụ trước. Tuy nhiên, một số nhà đầu tư dự đoán, nếu tiếp tục có mưa trong những ngày tới và vụ thu hoạch bắt đầu vào cao điểm, sẽ có thêm áp lực buộc nông dân và thương nhân nội địa phải tăng cường bán ra.

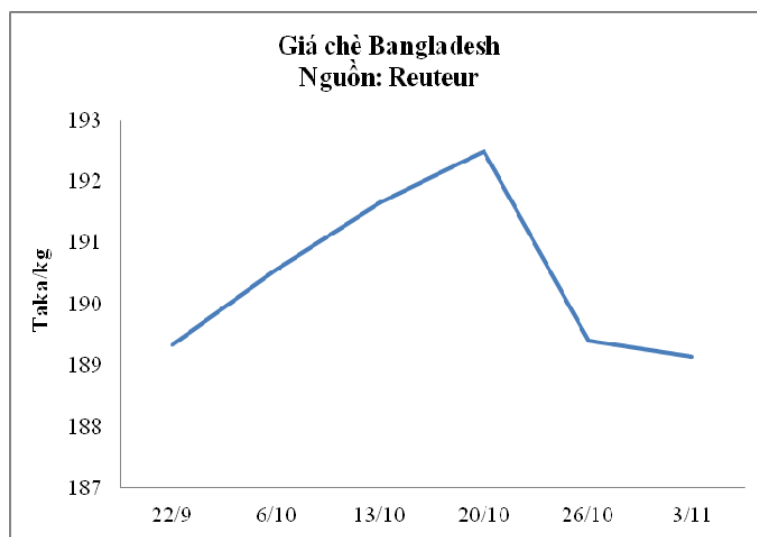
CHÈ



Thị trường thế giới: Giá chè tại Bangladesh tiếp tục giảm giá trong phiên giao dịch ngày 03/11 trong bối cảnh nguồn cung tăng đối với chè kém chất lượng và giảm đối với chè chất lượng cao. Tại phiên đấu giá thứ 25 của mùa kinh doanh này, giá chè Bangladesh ở mức trung bình 189,14 taka/kg (tương đương 2,44 USD/kg), giảm nhẹ so với 189,41 taka/kg tại phiên đấu giá trước đó (ngày 27/10). Tại phiên giao dịch, có khoảng 2,04 triệu kg chè đã được chào bán tại trung tâm đấu giá duy nhất Chittagong, trong đó có 14% chưa được bán. Tại phiên đấu giá trước, khoảng 20% trong số 2,25 triệu kg chưa được bán.

Giá chè Best Broke Pekoe Ones (BP1s) TEABP1-BEST-KE hạng nhất Kenya trong phiên đấu giá tuần này ở Mombasa đạt mức 3,60 - 4,92 USD/kg, so với 3,65 - 4,90USD/kg của phiên đấu giá tuần trước. Giá chè Best Brighter Pekoe Fanning Ones (PF1s) TEAPF1-BEST-KE tuần này đạt mức 3,74 - 4,06 USD/kg, giảm nhẹ so với 4,15 - 4,39 USD/kg tuần trước.

Ủy ban Chè của Ấn Độ sẽ sớm bắt đầu thực hiện bảo hiểm cây trồng cho người trồng chè quy mô nhỏ. Ủy ban đang đàm phán với các công ty bảo hiểm để bắt đầu chương trình này. Hiện có hơn 80.000 người trồng chè quy mô nhỏ ở Assam. Một phần của số tiền bảo hiểm do chính phủ và người trồng thanh toán. Giá chè của người trồng quy mô nhỏ phụ thuộc vào thành phẩm được sản xuất bởi nhà máy chè. Sự thiệt hại về sản lượng do điều kiện khí hậu nằm ngoài sự kiểm soát của người trồng quy mô nhỏ. Chính vì vậy, người dân có nhu cầu đối với chương trình bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến sản xuất và biến động giá cả.

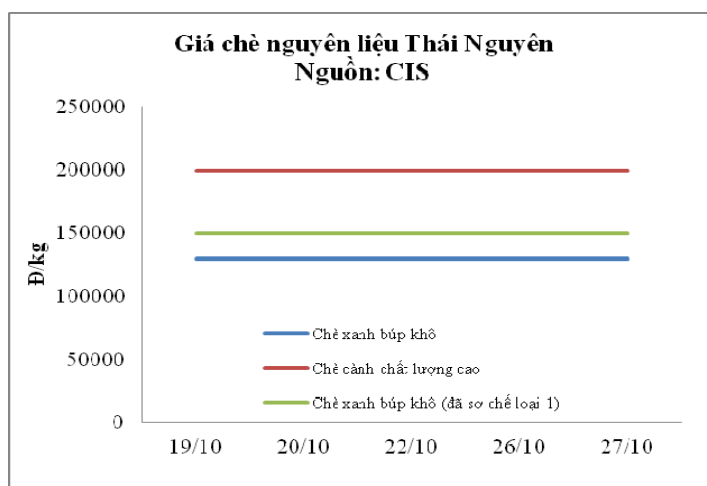


Thị trường trong nước: Tuần này giá chè nguyên liệu tại Thái Nguyên tiếp tục ổn định so với tuần trước và trong vài tháng qua. Cụ thể, giá chè xanh búp khô giữ ở mức 130.000đ/kg, giá chè cành chất lượng cao vẫn giữ ở mức giá cao là 200.000đ/kg. Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng giá chè nguyên liệu sản xuất chè xanh (loại 1) ổn định ở mức 9.000 đ/kg, trong khi chè nguyên liệu sản xuất chè đen (loại 1) cũng ổn định mức 4.500 đ/kg.

CHÈ



Một vài tháng gần đây, báo chí và công luận dấy lên các luồng thông tin về việc ngành chè Lâm Đồng gặp nhiều khó khăn về đầu ra, đặc biệt trong đó là câu chuyện tồn kho và mất giá của trà Ô long. Về vấn đề này, Hiệp hội Chè Việt Nam cho biết đã có sự nhầm lẫn bởi quy trình sản xuất loại trà này rất chặt chẽ và an toàn, chi phí đầu tư cao, kén thị trường đầu ra nên mới chỉ tập trung chủ yếu trồng ở Lâm Đồng, còn các tỉnh thành, địa phương khác là rất ít. Ngoài ra, Hội Chè Lâm Đồng cho biết người nông dân hiện trồng chè sản xuất trà Ô long chưa nhiều, toàn tỉnh có khoảng 1.000 ha, sản lượng tối đa khoảng 1.000 tấn/năm, nên nếu có tồn kho thì chỉ khoảng vài trăm tấn, còn lại chủ yếu vẫn là chè đen và một số loại chè xanh khác. Trước tình hình đó, ngành chè Lâm Đồng đang hướng tới mở rộng đa dạng thị trường, đồng thời quy hoạch phát triển ngành dừng lại ở diện tích hiện có. Các doanh nghiệp sản xuất chè Ô long cần hướng tới phát triển thị trường nội địa bởi loại chè này được sản xuất theo chuỗi đảm bảo quy trình an toàn, bên cạnh đó lại có nhiều hợp chất hữu cơ có lợi cho sức khỏe của con người.

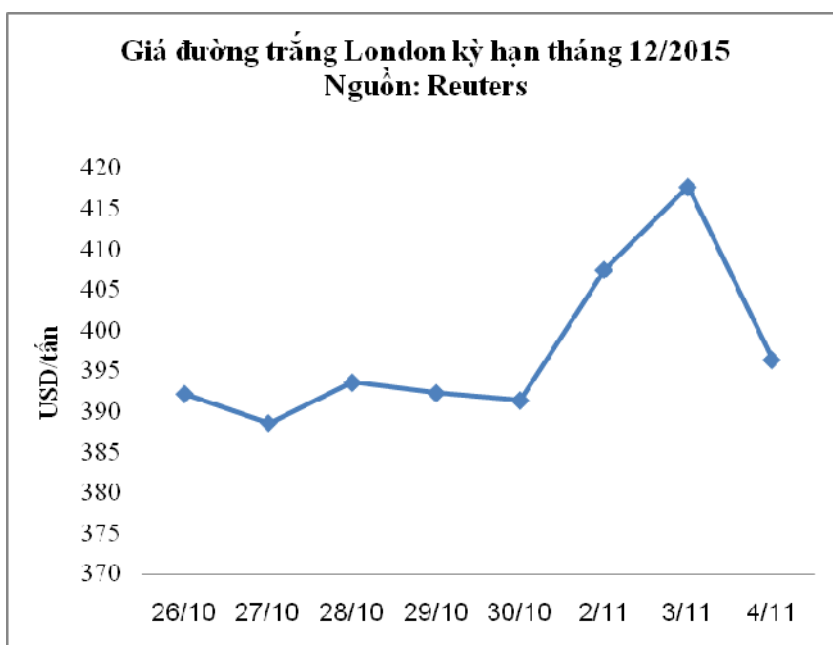


N.V.A

MÍA ĐƯỜNG



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 12/2015 tăng 5 USD/tấn lên 396,4 USD/tấn. Giá đường tăng do sản lượng đường toàn cầu dự báo giảm do hiện tượng El Nino. Thời tiết ẩm ướt cũng đang gây ảnh hưởng đến vụ thu hoạch mía tại khu vực Trung Nam Brazil và làm giảm lượng đường trong mía.



Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng đường toàn cầu niên vụ 2015/16 sẽ giảm năm thứ ba liên tiếp xuống còn 173,405 triệu tấn, giảm 903 nghìn tấn so với niên vụ trước đó (giảm từ các nước EU, Ấn Độ và Ucraina); trong khi đó sản lượng đường tăng lên tại Thái Lan, Pakistan, Brazil và Nga. Xuất khẩu đường dự báo sẽ đạt 55,812 triệu tấn, tăng 4,316 triệu tấn. Tiêu thụ được dự báo lên mức 173,413, tăng 1,6%. Với nhu cầu ngày càng tăng, nhập khẩu đường toàn cầu dự báo tăng 3% trong niên vụ 2015/2016.

Sản lượng và tiêu thụ đường thế giới

(Nguồn: USDA) ĐVT: triệu tấn

	Niên vụ 2013/2014	Niên vụ 2014/2015	Dự báo niên vụ 2015/2016
Sản lượng	175,563	174,308	173,405
Nhập khẩu	51,301	51,551	55,867
Xuất khẩu	57,529	54,155	55,812
Tiêu thụ	167,724	170,600	173,413
Tồn kho	43,620	42,215	42,215

MÍA ĐƯỜNG



Thị trường trong nước: Giá bán đường trắng (loại I) đã có thuế VAT tại kho nhà máy hiện từ 13.000 - 13.500 đ/kg. Giá bán buôn đường kính trắng ở Hà Nội từ 13.300–14.250 đ/kg, ở miền Trung từ 13.500–14.000 đ/kg, ở TP. HCM từ 13.800–14.400 đ/kg.

Tại Hậu Giang, giá mía đang ở mức cao. Thương lái mua mía tại rẫy với giá từ 1.100 - 1.200 đ/kg (giống ROC 16) và 950 - 1.000 đ/kg (giống ROC 11, 13), tăng 200 - 300 đ/kg so với đầu vụ (giữa tháng 9) và tăng hơn 400 đ/kg so với vụ mía trước.

Giá mía năm nay tăng cao do nhiều yếu tố như: Giá đường trên thị trường gần đây nhích lên dần (từ 14.200 - 14.500 đ/kg, tăng khoảng 2.000 đồng/kg so với cùng kỳ), lượng đường tồn kho tại các nhà máy còn ít, công tác chống buôn lậu đường qua các tỉnh biên giới được siết chặt. Trong khi đó, sức tiêu thụ đường trong nước đang tăng mạnh, nhất là vào thời điểm bước vào mùa lễ hội, dịp cưới hỏi vào cuối năm.

Mặt khác, diện tích mía toàn vùng ĐBSCL giảm khoảng 6.000 ha so với vụ trước (hiện chỉ còn gần 42.000 ha), riêng tỉnh Hậu Giang giảm khoảng 1.500 ha. Vì thế, nhiều khả năng các nhà máy đường trong vùng sẽ gặp khó do không đủ nguồn mía nguyên liệu để ép theo kế hoạch đề ra, buộc phải tranh thủ đi thu mua, góp phần đẩy giá mía lên cao và dự báo giá sẽ ổn định đến cuối vụ.

HNN



Thị trường thế giới: Mùa Diwali (Lễ hội Ánh sáng) năm nay có vẻ là mùa lễ hội thành công nhất cho ngành công nghiệp hạt điều của Ấn Độ trong thời gian gần đây. Điều Premium W320 đang được giao dịch quanh mức giá 7000 Rs + CST và Premium W240 đã vượt qua 7500 Rs + CST cho một hộp trọng lượng 11,34 kg tại Goa và Mangalore.

Giáng sinh đang đến gần, hoạt động bán hàng cho năm mới ở khu vực phía Nam và phía Tây đã bắt đầu và mùa cưới cũng đang rầm rộ. Vì vậy, nhu cầu có thể tiếp tục gia tăng trong vài tuần tới.

Theo báo cáo của Hội đồng xúc tiến XK điều Ấn Độ (CEPCI) tại Hội nghị thường niên lần thứ 60 của tổ chức này, kim ngạch xuất khẩu điều của Ấn Độ trong năm tài chính 2014 – 2015 đạt giá trị kỷ lục 919 triệu USD (tương đương 55 tỷ Rupee), bao gồm 120 ngàn tấn nhân điều trị giá 910 triệu USD (53,3 tỷ Rupee) và 11 ngàn tấn vỏ hạt điều trị giá 9 triệu USD (tương đương 560 triệu Rupee). Nhân điều xuất khẩu đã tăng 4% về lượng và 7% về giá trị so với năm tài chính 2013 – 2014.

Theo số liệu từ Ban chỉ đạo Phát triển điều và ca cao của Chính phủ, sản lượng điều thô của Ấn Độ niên vụ 2014 - 2015 đạt 725 ngàn tấn, giảm nhẹ 1,5% so với niên vụ 2013 – 2014 (736 ngàn tấn).

Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu điều của Ấn Độ vào khoảng 1,5 triệu tấn mỗi năm. Như vậy tương tự như Việt Nam, đối thủ cạnh tranh chính trong ngành chế biến, thì Ấn Độ cũng phải nhập khẩu 50% nguyên liệu từ nước ngoài. Để đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến điều của Ấn Độ, giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, CEPCI đề nghị Chính phủ Ấn Độ khẩn trương bố trí đủ nguồn vốn hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất điều trong nước.

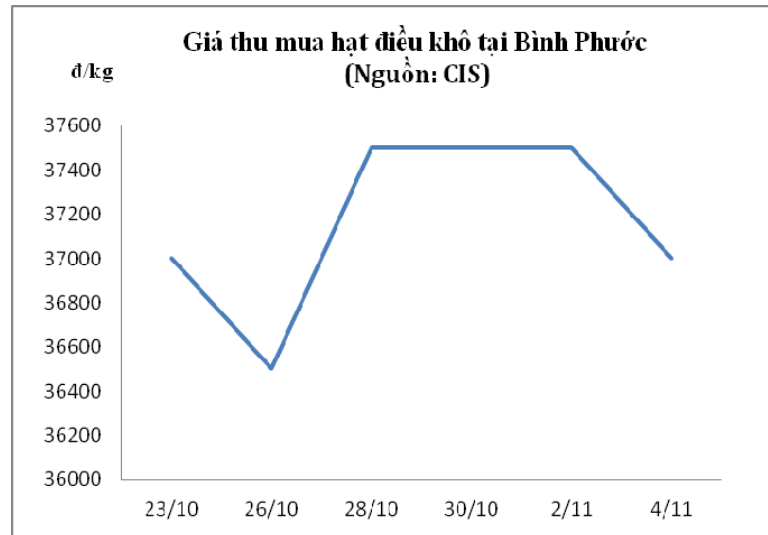
Thị trường trong nước: Tuần này giá thu mua hạt điều khô Tại Bình Phước giảm nhẹ 500 đ/kg so với tuần trước xuống mức 37.000 đ/kg.

Năm nay, trong khi các mặt hàng cà phê, gạo có giá trị xuất khẩu giảm thì hạt điều lại có thêm một năm ăn nên làm ra và dự báo sẽ mang về 2,5 tỉ đô la Mỹ. Nhiều khả năng kim ngạch xuất khẩu hạt điều sẽ gần bằng giá trị thu về từ xuất khẩu 6 triệu tấn gạo.

Một trong những lý do để ngành điều có giá trị xuất khẩu tăng nhờ giá bán điều nhân tăng; cụ thể, trong 9 tháng đầu năm nay, giá điều nhân xuất khẩu bình quân là 7.263 đô la Mỹ/tấn, tăng gần 12% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, để có lượng điều nhân xuất khẩu tăng, Việt Nam cũng phải nhập khẩu một lượng lớn điều thô về tách vỏ và xuất khẩu trở lại. Cụ thể, trong 10 tháng qua, lượng điều thô nhập về là 780.000 tấn, giá trị hơn 1 tỉ đô la Mỹ, tăng 54,5% về khối lượng và gần 86% về giá so với cùng kỳ. Trong số 272.000 tấn điều nhân xuất khẩu của 10 tháng qua, có khoảng hơn 90% là điều sơ chế, còn sản phẩm giá trị gia tăng cao - vốn có bán giá cao hơn - chỉ chiếm chưa đến 10%

HẠT ĐIỀU



Tham khảo giá nhân điều XK từ Việt Nam cho thị trường Bắc Mỹ, EU, Úc

ĐVT: USD/Lb FOB, Tp. HCM

Mặt hàng	W240	W320	W450/SW/LBW320	DW	WS/WB	LWP
Giá	3,55-3,65	3,4-3,5	3,15-3,25	3,05-3,15	3,15-3,2	3,05-3,1

(Nguồn: Vinacas)

N.V.A

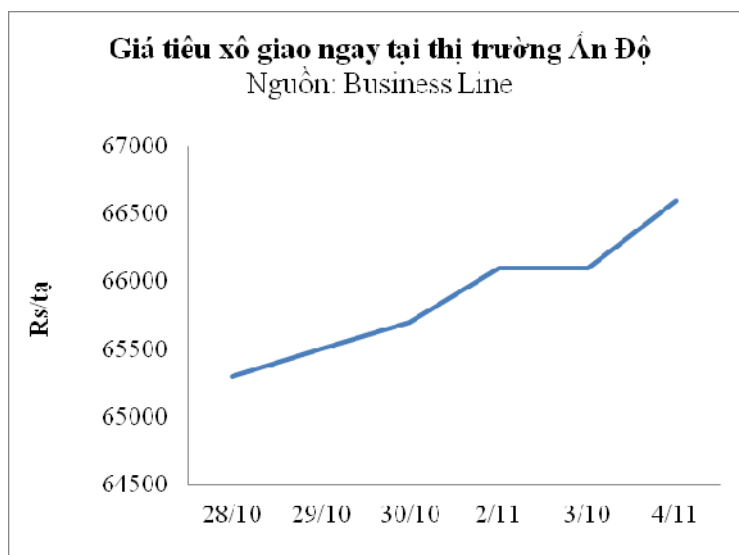
HẠT TIÊU



Thị trường thế giới: Tuần 26-30/10/2015, giá hạt tiêu vẫn ổn định, thậm chí tăng tại thị trường trong nước đối với tiêu đen tại Việt Nam và Sri Lanka. Tuy nhiên, hoạt động thị trường được báo cáo là hạn chế do các nhà sản xuất đang giữ nguyên liệu, với dự đoán giá sẽ tăng cao hơn. Sự giảm nhẹ về giá tính bằng đồng đô la Mỹ cho giá nội địa của tiêu ở Sarawak,... đã được ghi nhận trong tuần này. Điều này là do sự suy yếu của đồng Ringgit của Malaysia đối với đồng đô la Mỹ.

Giá hạt tiêu giao ngay tại thị trường Ấn Độ tuần này (29-04/11) tiếp tục tăng nóng trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt và nhu cầu trong nước mạnh mẽ. Các hoạt động giao thương diễn ra hạn chế. Các đại lý ở Tamil Nadu mua tiêu trực tiếp từ trang trại của người trồng ở mức giá 700 Rs/kg và do đó người trồng tiêu không cần phải mang sản phẩm tới Kochi, mất thêm phí vận chuyển 10 Rs/kg. Hợp đồng 14 tấn đã ký trước đó ở mức giá 680-690 Rs/kg và không có hàng mới được đưa ra thị trường. Hiện tượng này đã đẩy giá giao ngay và các hợp đồng kỳ hạn tăng lên. Giá giao ngay tăng vọt lên mức 66.600 Rs/tạ đối với tiêu xô và 71.000 Rs/tạ đối với tiêu chọn. Các hợp đồng kỳ hạn giao tháng 11, 12 trên sàn giao dịch IPSTA lần lượt tăng lên mức 71.000 và 69.000 Rs/tạ. Giá xuất khẩu hiện ở mức 10.350 USD/tấn (C&F) sang châu Âu và 11.600 USD/tấn sang Mỹ.

Trước thông tin xu hướng tăng giá ở Ấn Độ, Sri Lanka đã thông báo tăng giá tiêu 550GL của lên mức 9.700-9.800 USD/tấn và tiêu 525 GL lên mức 9.650 USD/tấn.



Thị trường trong nước: Giá thu mua tiêu đen xô nội địa tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, ngày 04/11 giá thu mua tiêu tại các tỉnh trồng tiêu trọng điểm Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Bình Phước lần lượt ở mức 184.000 đ/kg, 190.000 đ/kg, 185.000 đ/kg, 187.000 đ/kg, trung bình giảm 2.000 đ/kg so với thời điểm cuối tuần trước.

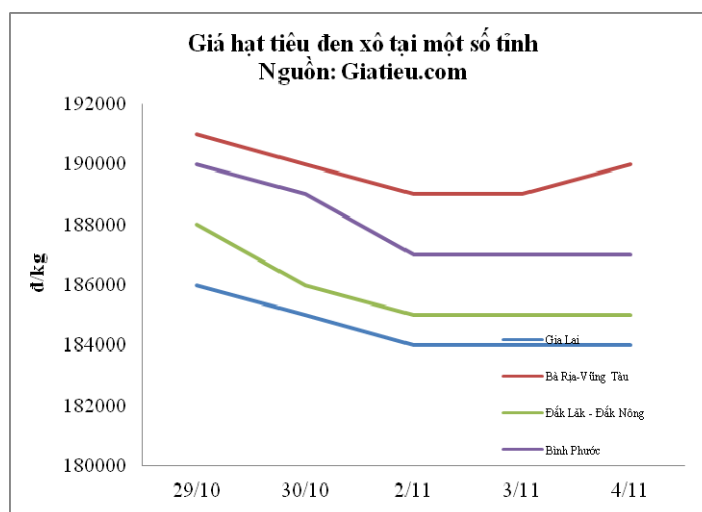
HẠT TIÊU



Giá hồ tiêu liên tục tăng và giữ ở mức cao trong hơn 2 năm qua đưa cây tiêu lên vị trí “đầu bảng” trong ưu tiên phát triển của người nông dân. Tuy nhiên, việc phát triển quá nhanh diện tích cây hồ tiêu cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về dịch bệnh và nguy cơ mất giá của sản phẩm này.

Hiện giá thu mua tiêu khô trên địa bàn tỉnh Đồng Nai khoảng 200.000 đ/kg, với năng suất trung bình 1ha tiêu khoảng 6 tấn tiêu khô, cho thu nhập khoảng 1,2 tỷ đồng/ha; Trừ đi các chi phí, lợi nhuận mang lại từ cây hồ tiêu đạt khoảng 1 tỷ đồng/ha.

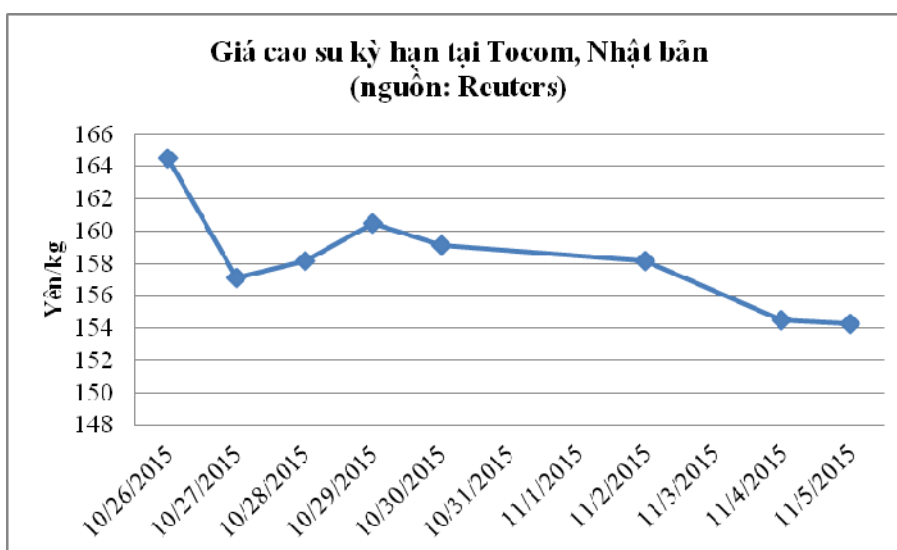
Cây hồ tiêu đã làm thay đổi cuộc sống của người dân, nhiều hộ từ đói nghèo đã vươn lên làm giàu. Tuy nhiên, với sự phát triển ồ ạt cây hồ tiêu như hiện nay cũng gây ra không ít lo ngại về sự phát triển thiếu bền vững của cây hồ tiêu. Đặc biệt, cây hồ tiêu là cây trồng đòi hỏi sự đầu tư lớn cùng chế độ trồng và chăm sóc kỹ lưỡng.



N.V.A



Thị trường thế giới: Theo nguồn tin Reuters, giá cao su kỳ hạn tại thị trường Tocom, Tokyo, Nhật Bản hợp đồng benchmark giao tháng 3/2015 dao động mức thấp nhất gần 6 năm qua tại phiên giao dịch ngày 5/11. Mức giá 154,3 Yên/kg phản ánh giá sẫm lớp tại thị trường Đông Nam Á lao dốc. Giá cao su giao kỳ hạn tháng 4/2016 không thay đổi, ở mức 155,7 Yên/kg (tương đương với 1,28 USD/kg), sau khi chạm mức thấp nhất kể từ tháng 7/2009 trong phiên giao dịch trước đó. Thị trường biến động trong bối cảnh đồng đô la Mỹ tăng so với đồng Yên Nhật vào đầu phiên giao dịch hôm thứ năm (5/11), sau khi lợi suất trái phiếu của Mỹ tăng do việc dự kiến tăng lãi suất vào tháng 12.



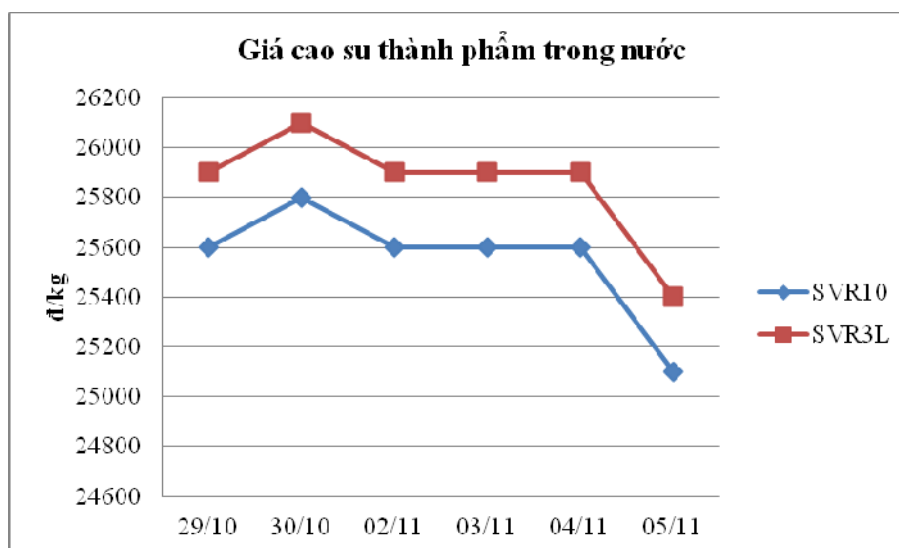
Theo Tập đoàn Cao su Quốc tế (IRCo), nguồn cung cao su thiên nhiên thế giới có thể bị thiếu hụt trong năm tới do lượng lưu kho thấp hơn ước tính trong khi sản lượng giảm. Sản lượng cao su thiên nhiên đang giảm, nhất là tại Thái Lan và Ấn Độ. Nguyên nhân chính là do cao su mất giá, nhu cầu ẩm đạm cũng như điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Mặc dù trong tháng 4/2015, Tổ chức Nghiên cứu Cao su Quốc tế (IRSG) đã cảnh báo về tình trạng thừa cung cao su thiên nhiên trong những năm tới, song IRCo lại tỏ ra lạc quan về giá cao su trong những tháng cuối năm nay do kinh tế toàn cầu ổn định và những nỗ lực của Hiệp hội Các nước sản xuất Cao su Thiên nhiên (ANRPC) trong việc duy trì sản lượng không đổi hoặc giảm xuống.

Sản lượng cao su In-đô-nê-xia dự đoán sẽ giảm vào năm tới do ảnh hưởng thời tiết El Nino và khói bụi từ cháy rừng. Tuy nhiên, trong năm nay sản lượng cao su của In-đô-nê-xia dự báo vẫn không thay đổi ở mức 3,2 triệu tấn và xuất khẩu cao su của nước này cũng dự đoán giảm nhẹ, xuống còn 2,5 triệu tấn, so với 2,6 triệu tấn năm 2014, do nhu cầu nội địa gia tăng.



Thị trường trong nước: Tuần qua, giá thu mua mủ cao su 32 độ/kg tại Bình Phước tăng lên mức 7.040 đ/kg và duy trì mức giá này trong cả tuần. Trong khi đó, giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Dương biến động giảm trong tuần qua, cụ thể: giá cao su SVR10 giảm từ 25.800 đ/kg (30/10) xuống còn 25.100 đ/kg (5/11); cao su SVR3L giảm từ 26.100 đ/kg xuống còn 25.400 đ/kg.



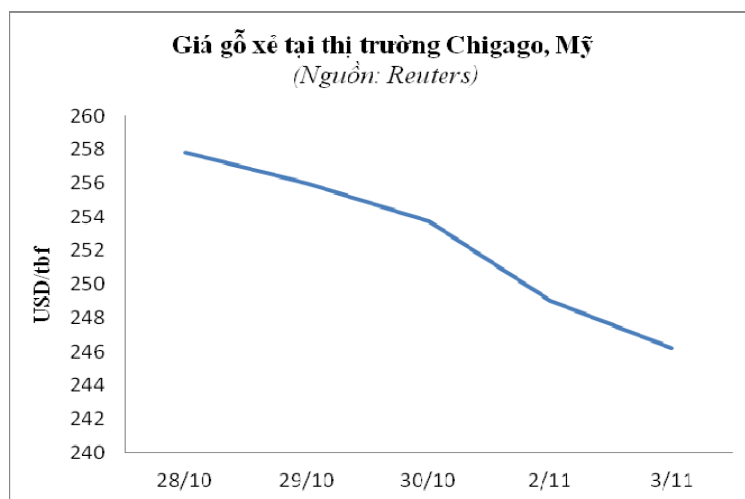
Tuần qua, tình hình xuất nhập khẩu mặt hàng cao su thiên nhiên, dù dưới dạng sản phẩm hỗn hợp hay sơ chế đóng bánh đều trầm lắng. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc giảm thấp, ngành sản xuất săm lốp cắt bớt chi tiêu tới cả trăm triệu bộ sản phẩm đã tác động tiêu cực đến nhu cầu nhập khẩu cao su thiên nhiên của nước này. Trong khi đó, giá dầu thô ở mức thấp nên sản xuất cao su nhân tạo có giá cạnh tranh hơn so với cao su tự nhiên. Do đó, nhập khẩu cao su thiên nhiên hiện không còn là vấn đề “sống còn” đối với ngành công nghiệp ô tô Trung Quốc như các thập kỷ có tăng trưởng kinh tế hai chữ số.

C.D.H

GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường thế giới: Giá gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Chicago, Mỹ tuần qua biến động giảm mạnh so với tuần trước. Kết thúc phiên giao dịch ngày 03/11, giá gỗ xẻ hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2015 đạt 246,2 USD/tbf, giảm 11,6 USD so với phiên cuối tuần trước (28/10) là 257,8 USD/tbf.



Các nhà máy cưa ở miền Nam nước Mỹ đã bị ảnh hưởng nặng nề sau suy thoái kinh tế thị trường nhà ở vào năm 2007. Điều này đã tác động lớn lên thị trường gỗ của nước Mỹ, đặc biệt là ở khu vực phía tây nam, nơi gỗ thông là chủ yếu nhất. Suy thoái đã kéo theo việc các nhà máy buộc phải đóng cửa và mất việc làm. Tuy nhiên, nghiên cứu mới cho thấy có tin tức tốt cho ngành công nghiệp gỗ. Dự án Weyerhaeuser gần 200 triệu USD ở Dierks, Arkansas có thể là một dấu hiệu của những điều tốt đẹp đến cho ngành công nghiệp gỗ khu vực này. Thị trường có thể sẽ có một sự phục hồi dần về giá cả.



Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất của Indonesia trong năm 2015 ước đạt hơn 2 tỉ USD, tăng 10% so với năm 2014. Con số này vượt mục tiêu của ngành công nghiệp đề ra trong năm 2015. Ngành công nghiệp nội thất của nước này được hỗ trợ nhờ nhu cầu ngày càng tăng từ các thị trường như Mỹ, châu Âu, Ôxtrâyliya và Nhật Bản. Ngoài các thị trường truyền thống, các thị trường khác cũng tăng nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất của Indonesia như Ma-rốc, Jordan và các quốc gia Nam Mỹ. Xuất khẩu đồ nội thất của Indonesia tăng trưởng mạnh trong nửa cuối năm 2015, trong nửa đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 932 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ 2014.

GỠ VÀ SẢN PHẨM GỠ



Thị trường trong nước: Việc Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã đàm phán thành công sẽ mang lại những thuận lợi đối với ngành gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam khi Hiệp định được thực thi. Hiện nay, các nước tham gia Hiệp định TPP chiếm khoảng 53% kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong đó, 2 thị trường xuất khẩu lớn nhất đối với mặt hàng này cũng là 2 nước tham gia TPP là Mỹ và Nhật Bản. Đặc biệt, quy định sản phẩm phải đạt tỉ lệ nội địa hóa từ 55% tổng giá trị trở lên; doanh nghiệp chỉ được phép nhập tối đa 45% nguyên vật liệu từ các nước ngoài khối TPP để xuất ra một sản phẩm. Hiện nay, khoảng 20% nguyên liệu gỗ trong nước, khoảng 36,4% kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu của các nước tham gia TPP nên các sản phẩm gỗ của Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu vào các nước tham gia Hiệp định TPP.

Nhìn chung, từ đầu năm 2015 đến nay, nhờ sự hồi phục của nền kinh tế thế giới, ngành gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng khả quan nhưng tốc độ đã chậm lại so với năm 2014. Trông thời gian tới, ngành gỗ Việt Nam sẽ còn nhiều tiềm năng tăng trưởng nhờ nhu cầu thị trường, nhất là nhu cầu từ thị trường lớn nhất là Mỹ.

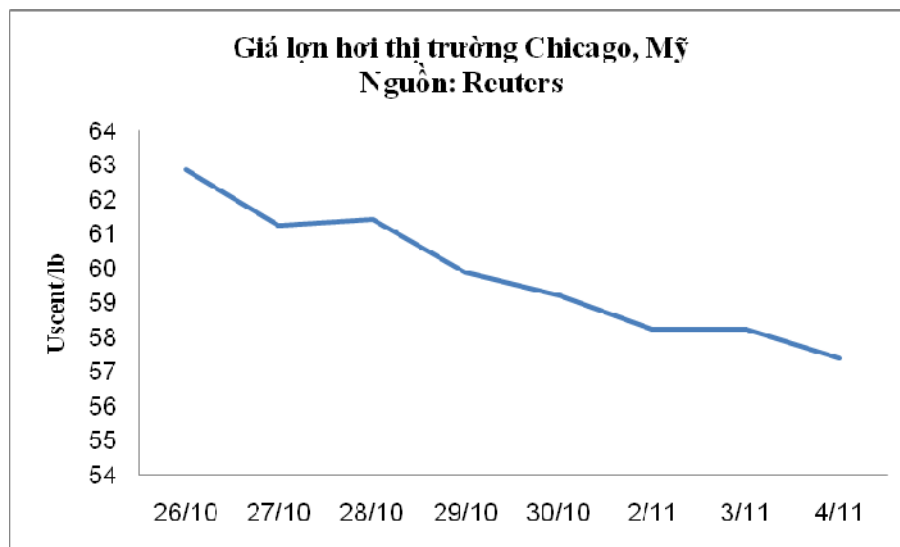
Dự báo, trong 2 tháng cuối năm, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sẽ tăng mạnh so với các tháng trước theo như thông lệ hàng năm và tốc độ tăng trưởng khoảng 7% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 1,24 tỉ USD, đưa kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cả năm 2015 đạt 6,8 tỉ USD.

N.V.A

THỊT



Thị trường thế giới: Giá lợn hơi thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tuần qua với mức giảm 1,825 UScent/lb xuống còn 57,375 UScent/lb. Giá lợn hơi giảm do nguồn cung tiếp tục gia tăng trong khi nhu cầu ở mức thấp. Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp Mỹ, trong tuần này, các nhà đóng gói đã giết mổ và chế biến 1,303 triệu con lợn, tăng 11.000 con so với tuần trước.



Chính phủ Brazil đã gửi yêu cầu chính thức về việc thành lập Ban hội thẩm xem xét vụ kiện Indonesia dựng rào cản phi lý với mặt hàng thịt gà nhập khẩu của Brazil. Yêu cầu của Brazil sẽ được Cơ quan giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) phê duyệt tại Geneva, Thụy Sĩ trong thời gian tới.

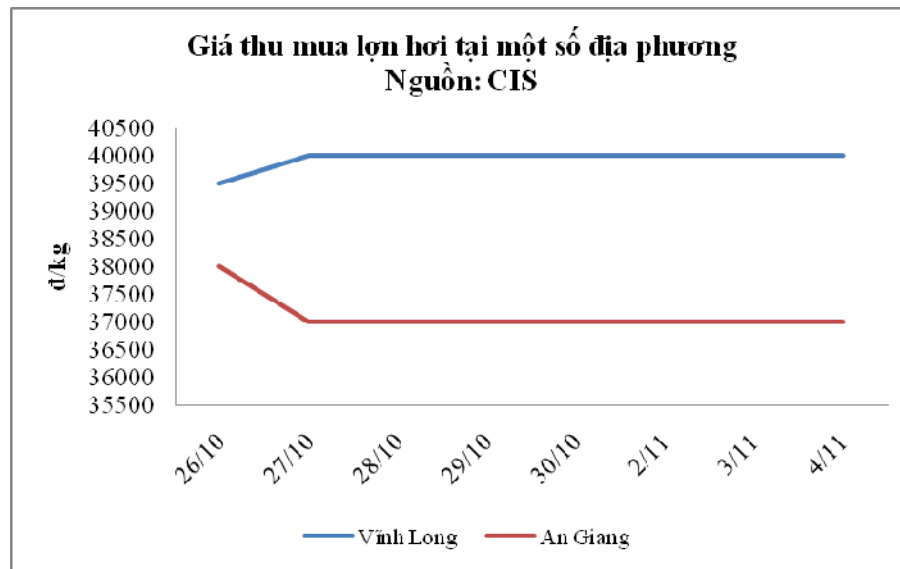
Trước đó, Brazil đã mất nhiều công sức để tìm kiếm cơ hội mở cửa thị trường Indonesia. Từ năm 2008, Hiệp hội đạm động vật Brazil (ABPA) đã ít nhất 6 lần thương lượng, đàm phán trực tiếp với các nhà nhập khẩu và chính quyền địa phương Indonesia. Chính phủ Brazil đã nỗ lực hỗ trợ doanh nghiệp bằng văn bản và nhiều hành động thiết thực khác để tạo dựng mối giao hảo với các đối tác tiềm năng trên thị trường. Các công ty Indonesia cũng tỏ ra hào hứng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp Brazil. Phía Brazil khẳng định sẽ trở thành một đối tác tin cậy, giúp đảm bảo an ninh lương thực cho Indonesia. Tuy nhiên, chính quyền Indonesia vẫn kiên quyết duy trì những rào cản rất phi lý.

Indonesia có trên 250 triệu dân, 87% dân số theo đạo Hồi. Trong khi đó, Brazil lại là nhà sản xuất và xuất khẩu hàng đầu các sản phẩm thịt gà cho người đạo Hồi với hơn 1,8 triệu tấn sản phẩm xuất khẩu mỗi năm.

THỊT



Thị trường trong nước: Tuần qua, giá thịt lợn tại các tỉnh miền Nam ổn định. Giá lợn hơi tại Vĩnh Long hiện là 40.000 đ/kg, giá lợn hơi tại An Giang ở mức 37.000 đ/kg.



Đồng Nai là vùng chăn nuôi gà lớn nhất nước nhưng thời gian gần đây, giá bán liên tục giảm, cùng với sự xuất hiện của thịt gà ngoại giá rẻ khiến nhiều hộ chăn nuôi gặp rất nhiều khó khăn. Hiện gà lông màu (tam hoàng) giá chỉ 26.000 – 29.000 đ/kg, gà trắng công nghiệp 25.000 đ/kg, gà ta thả vườn cũng chỉ còn 60.000 đ/kg. Trước đây, giá gà luôn ở mức cao, người chăn nuôi thu được lợi nhuận nên ồ ạt đầu tư tăng đàn khiến nguồn cung dư thừa, kéo giá bán xuống thấp. Bên cạnh đó, gà nhập khẩu số lượng lớn từ các nước với giá rẻ cũng tác động mạnh đến giá gà trong nước. Theo tính toán của Hiệp hội chăn nuôi Đông Nam bộ, lượng gà nhập khẩu chiếm gần 40% tổng sản lượng gà công nghiệp nuôi trong nước.

Hiện giá gà ta bán buôn cho các thương lái tại các trang trại ở Quốc Oai – Hà Nội chỉ còn 70.000 – 80.000 đ/kg, giảm từ 20 -30% so với hai, ba tháng trước. Tại một số chợ dân sinh và chợ truyền thống trên địa bàn Hà Nội, giá gà ta chưa mổ cũng giảm so với các tháng trước. Hiện gà cả lông loại ngon chỉ dao động từ 100.000 – 120.000 đ/kg, gà mổ sẵn từ 180.000 - 200.000 đ/kg. Giá gà ta hạ nhiệt từ một, hai tháng nay chủ yếu do nguồn cung dồi dào trong khi tiêu thụ không có gì đột biến. Thị trường có đủ các loại gà như gà mía, gà công nghiệp, gà tam hoàng từ các nơi đổ về, giá lại rẻ hơn so với gà ta thả vườn, trong khi không phải ai cũng phân biệt được chất lượng gà nên nhiều người ưa thích loại có giá rẻ hơn. Dự báo, giá gà ta sẽ không tăng nhiều trong ngắn hạn do thị trường tiêu thụ chậm kết hợp nguồn cung dồi dào.



Thị trường thế giới: Người nuôi tôm Ấn Độ và các nhà máy chế biến cho biết bệnh vi bào tử trùng (EHP) là một phần của nguyên nhân dẫn đến giá tôm tăng, nhưng diện tích thả nuôi thấp là nguyên nhân chính. Tác động của bệnh này, kết hợp với việc hạn chế thả nuôi của nông dân Ấn Độ đã đẩy giá tôm tăng, có nghĩa là nguồn nguyên liệu chế biến sẽ giảm. Kết quả là, giá nguyên liệu ở Andhra Pradesh đã tăng lên 10 IDR/kg cho tôm cỡ từ 30-70 con/kg trong tuần này, so với tuần trước đó, và tiếp tục có xu hướng tăng. Cụ thể, tôm cỡ 30 con/kg có mức giá 450 IDR, cỡ 40 con/kg có giá 410 IDR, cỡ 50 con/kg là 380 IDR, 60 con/kg là 330 IDR, và 70 con/kg là 280 IDR. Giá cho tôm cỡ 80, 90 và 100 con/kg đang ổn định lần lượt ở mức 240 IDR, 220 IDR và 210 IDR. Giá tại Kolkata và Orissa vẫn giữ ở mức rẻ hơn 30-40 IDR/kg so với ở Andhra Pradesh.

Omarsa, nhà sản xuất và chế biến tôm của Ecuador đặt mục tiêu xuất khẩu 5 triệu pound (tương đương 2.268 tấn) tôm sinh thái trong năm 2015, sau khi đạt sản lượng vượt mức vào năm ngoái với 4,2 triệu pound. Omarsa nhận thấy nhu cầu mạnh đối với sản phẩm hữu cơ ở châu Âu đang gia tăng ở các nước như Đức và Anh trong năm nay. Ở Pháp, một báo cáo gần đây của công ty Marketing Seafood đã cho thấy rằng Ecuador hiện đang chi phối thị trường tôm hữu cơ. Kích cỡ tôm lớn hơn cũng có nhiều nhu cầu hơn, điều này là có lợi hơn, vì nó cho phép đạt sản lượng nhiều hơn trên mỗi hecta. Pháp và Hà Lan vẫn là hai thị trường lớn nhất cho tôm hữu cơ từ Omarsa, nhưng thị phần của họ đã giảm trong năm nay do nhu cầu tại Mỹ, Đức, Anh, Thụy Sĩ và Bỉ gia tăng. Nhu cầu của Mỹ được dự kiến sẽ tăng đáng kể sau khi nước này từ chối tôm từ số nước châu Á bị nhiễm kháng sinh cấm và việc ban hành các tiêu chuẩn đối với thủy sản nuôi hữu cơ sắp tới của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA).

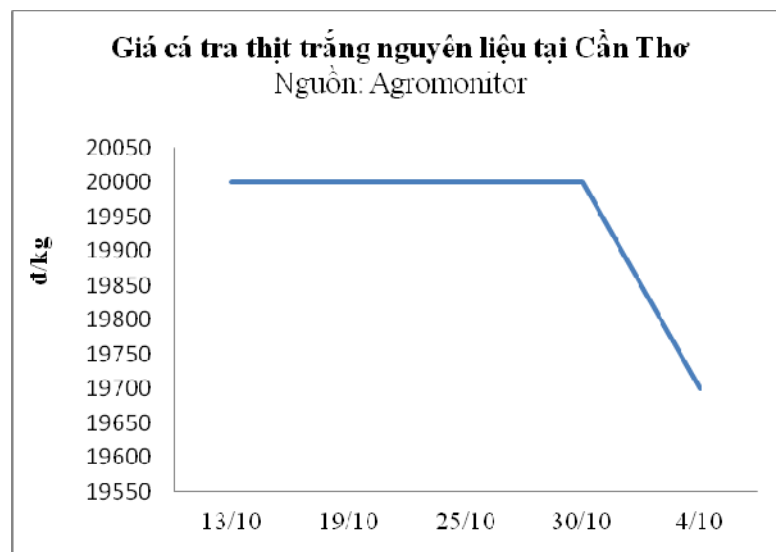
Ngành công nghiệp cá ngừ của Ecuador đang bị tác động mạnh bởi cuộc khủng hoảng cá ngừ toàn cầu và có thể chứng kiến một "làn sóng phá sản" trong tương lai gần. Các nguồn tin tại Ecuador cho biết, cá ngừ vẫn rớt giá cùng với nhu cầu thấp hơn từ các thị trường quan trọng, chẳng hạn như Venezuela, và cạnh tranh gia tăng từ châu Á sẽ dẫn đến một số công ty địa phương phá sản. Lệnh cấm khai thác tạm thời tại Tây Ban Nha – diễn ra từ 29/7 đến hết tháng 9 đã đẩy giá tăng lên 1.500 USD/tấn từ mức 900 USD/tấn của tháng 4 và 5, nhưng giá giảm nhanh chóng sau khi kết thúc lệnh cấm, đạt 1.200 USD/tấn vào giữa tháng 10 và dự kiến sẽ còn tiếp tục giảm. Giá giảm là kết quả của một số yếu tố, nhưng chủ yếu là do dư thừa nguồn cung cho thị trường, nhất là từ châu Á, bất chấp lệnh cấm đánh bắt bằng các thiết bị dụ cá (FADs) ở Tây và Trung Thái Bình Dương trong bốn tháng, bắt đầu từ ngày 01/7. Ước tính sản lượng đánh bắt cá ngừ đạt 5,3 triệu tấn trong năm 2014, tăng khoảng 1 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2013. Giá giảm trong năm nay đã ảnh hưởng tới kim ngạch xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Ecuador. Trong tám tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu cá ngừ hộp của nước này giảm 29% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 482 triệu USD. Về khối lượng xuất khẩu giảm 11% xuống 117.251 tấn.



Hầu hết các cơ sở giết mổ cá hồi của Na Uy đang sản xuất với khối lượng lớn cho thị trường trong tuần tới, với áp lực giảm giá từ 1-1,5 NOK/kg. Cụ thể, tại miền Nam Na Uy, giá cá hồi cỡ 3-4kg sẽ ở mức 38- 39 NOK, cỡ 4-5kg là 40-41 NOK, cỡ 5-6kg là 41-42 NOK và cỡ trên 6kg cao hơn một chút. Tuần trước, giá đã tăng lên đến 20 NOK cho cá hồi cỡ 1- 2 kg; 30 NOK cho cá 2- 3kg; 40 NOK cho cá 3- 4 kg; 42 NOK cho cá 4- 5kg; và 43 NOK cho cá 5- 6kg. Tuy giá tăng nhưng gần như không có người mua.

Thị trường trong nước: Tại các tỉnh ĐBSCL, thị trường cá tra nguyên liệu vẫn khá trầm lắng, các doanh nghiệp có dấu hiệu giảm thu mua, giá vẫn đang chững lại ở mức thấp. Tại Cần Thơ, giá thu mua cá tra nguyên liệu trong size vẫn giảm nhẹ xuống mức 19.500-19.700 đồng/kg. Một số thông tin cho biết giá thu mua trong thời gian tới có thể sẽ giảm thêm. Tình hình cũng diễn ra tương tự tại các tỉnh như An Giang, Đồng Tháp...

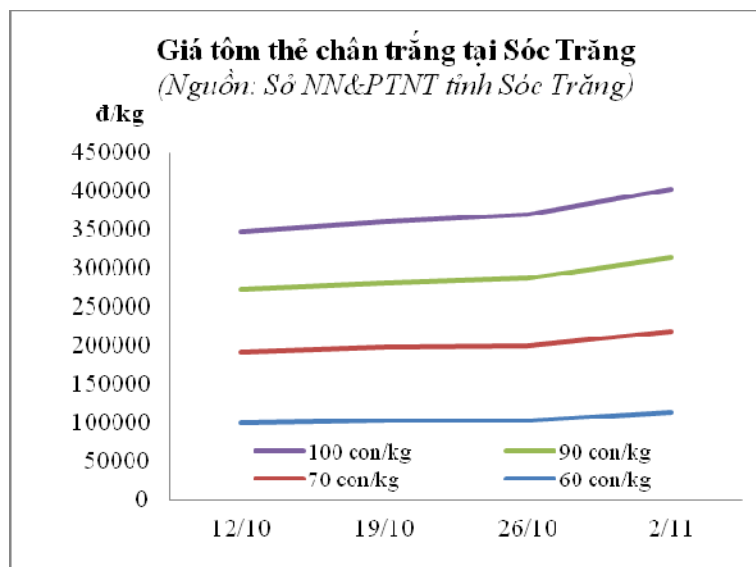
Tại An Giang, nhiều hộ nuôi cá tra trong tỉnh cùng tham gia mô hình chuỗi liên kết sản xuất- chế biến- xuất khẩu cá. Điển hình, Công ty TNHH- SX- TM- DV Thuận An thực hiện mô hình nuôi cá tra theo chuỗi liên kết mang lại hiệu quả rõ rệt và đã mở rộng quy mô số hộ dân tham gia tăng từ 8 hộ lên 30 hộ, với diện tích nuôi cá tương ứng từ 41,5 ha tăng lên 70 ha. Trong 10 tháng của năm 2015, diện tích nuôi cá tra trên địa bàn tỉnh đạt 1.242 ha (tăng 1,96% so cùng kỳ), sản lượng cá tra thu hoạch 245.225 tấn, tăng 3,88% so cùng kỳ.



Giá tôm nguyên liệu tại các tỉnh ĐBSCL tuần này tiếp tục ổn định với tôm sú và tăng đối với tôm thẻ chân trắng. Tại Sóc Trăng, giá tôm thẻ nguyên liệu tăng 6.000-11.000 đ/kg so với cuối tuần trước. Cụ thể, tôm thẻ loại 50 con/kg giá 118.000 đ/kg (+11.000 đ/kg), 70 con/kg giá 105.000 đ/kg (+8.000 đ/kg), loại 80 con/kg giá 100.000 đ/kg (+10.000 đ/kg), loại 100 con/kg giá 90.000 đ/kg (+6.000 đ/kg). Giá tôm sú nguyên liệu các cỡ 20, 30 và 40 con/kg ổn định lần lượt ở mức 235.000 đ/kg, 165.000 đ/kg, 120.000 đ/kg. Xu hướng giá tôm thẻ chân



trắng liên tục tăng trong thời gian gần đây là do nhu cầu thị trường tăng trong khi sản lượng tôm năm nay của Thái Lan không đạt như kỳ vọng.



Giá cá rô phi nguyên liệu cỡ 350-750 gr/con tuần này ổn định ở mức 29.500 đ/kg sau khi giảm vào tuần trước.

Theo Hiệp hội xuất khẩu và chế biến thủy sản Việt Nam (Vasep) hết quý III, xuất khẩu thủy sản cả nước đạt 4,8 tỷ USD, giảm 16,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Bước sang tháng 10, xuất khẩu tiếp tục giảm mạnh, ước đạt 604 triệu USD, giảm 12% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu tôm giảm gần 33%, cá tra giảm gần 30%, cá ngừ giảm 11%, mực và bạch tuộc giảm 28%. Nguyên nhân là vì thị trường tiêu thụ kém và biến động tỷ giá khiến cho thủy sản Việt Nam bị cuốn trong vòng xoáy giảm giá trên thị trường thế giới suốt từ đầu năm đến nay. Làn sóng mất giá và thả nổi giá nội tệ so với USD ở các thị trường và các nước sản xuất chính khiến cho không chỉ tôm mà cả các mặt hàng khác khó cạnh tranh tại thị trường nhập khẩu, nhất là tại Mỹ.

Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam 10 tháng đầu năm ước đạt 5,45 tỷ USD, giảm gần 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Hàng xuất sang các thị trường chính đều giảm mạnh (6 - 26%), trong đó thị trường Mỹ giảm mạnh nhất, gần 27%, EU giảm 19% và Nhật Bản giảm 15%. Dự báo, với xu hướng tăng trưởng âm như hiện nay, tổng xuất khẩu thủy sản năm 2015 sẽ đạt khoảng 6,6 tỷ USD, giảm 15% so với năm 2014.

RAU QUẢ



Thị trường trong nước: Dù đang ở thời điểm chong đèn nghịch vụ, nhưng giá thanh long tại tỉnh Bình Thuận thu mua tận vườn chỉ bằng một nửa so với mọi năm. Diện tích thanh long ngày càng mở rộng, giá rẻ, nhiều hộ chỉ trông chờ vào mùa chong đèn nghịch vụ (từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau) để bán được giá cao, đặc biệt là chuẩn bị dịp Tết Nguyên đán. Nhưng năm nay, dù mới bước vào những lứa trái nghịch vụ đầu tiên, giá đã rớt mạnh chỉ còn một nửa so với năm trước. Cụ thể thanh long dạt chỉ có giá 2.000 đ/kg, hàng xô 4.000 đ/kg, hàng xuất khẩu chỉ 7.000 đ/kg.



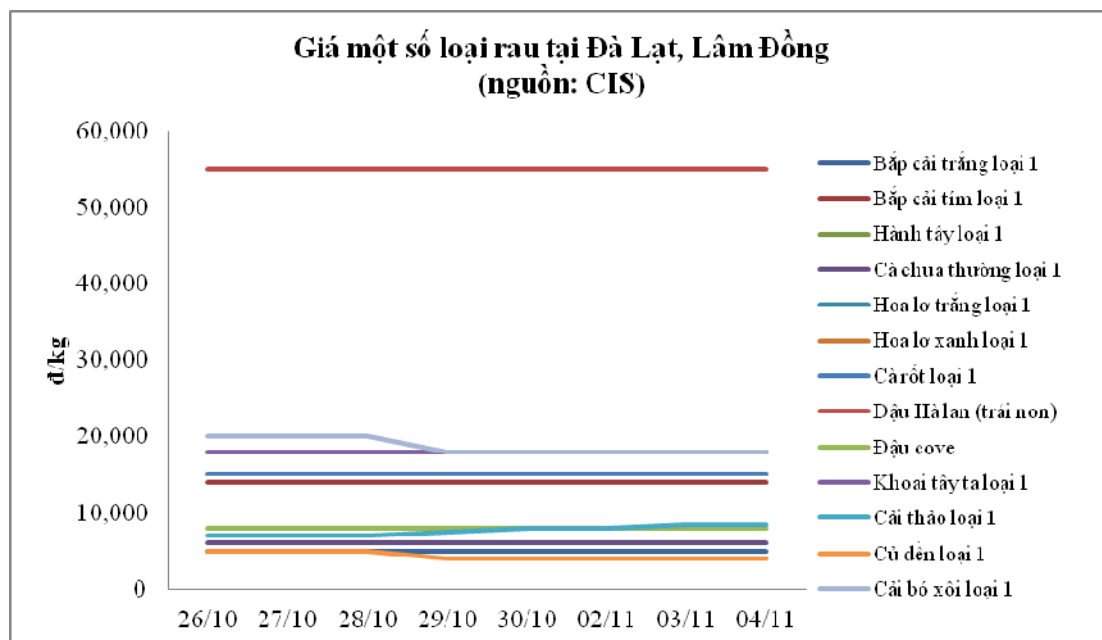
Hằng năm, mùa hồng Đà Lạt kéo dài từ tháng 9 dương lịch đến giáp Tết Nguyên đán. Vào đầu vụ năm nay, giá hồng ở ngưỡng khá cao nhưng tin đồn là hồng có ngấm hóa chất, hồng Trung Quốc đã làm giá hồng giảm mạnh khiến nhiều nông dân và chủ vựa lo lắng. Giá hồng chỉ còn 6.000 - 7.000 đ/kg so với đầu vụ là 12.000 - 13.000 đ/kg, nhưng tiêu thụ rất chậm. Ngoài tin đồn hồng Đà Lạt là hồng Trung Quốc, ngoài mẫu mã trái hồng gần giống nhau, còn do bà con dùng thùng có ghi chữ Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan để đóng gói hồng đưa đi tiêu thụ nên dễ bị hiểu nhầm. Dự kiến trong tương lai thương hiệu “Hồng D’Ran” sẽ được xây dựng và đồng thời làm việc với cơ quan cấp trên hỗ trợ tìm nơi sản xuất thùng giấy tốt đặt hàng cho bà con để tránh phải dùng thùng có xuất xứ nước ngoài.

Thời gian qua, tại nhiều tỉnh ĐBSCL, như Kiên Giang, Hậu Giang, An Giang... gừng tươi sạch nông dân bán cho thương lái chỉ ở mức 13.000 - 16.000 đ/kg. Đối với các đám gừng có dấu hiệu nhiễm bệnh thương lái chỉ thu mua 6.000 - 8.000 đ/kg. Với giá bán hiện tại nhiều nhà vườn đã bị lỗ vốn nặng vì phải mua gừng giống với giá cao gấp nhiều lần hiện nay. Giá gừng của nhà vườn ĐBSCL giảm mạnh được cho là do năm nay thời tiết thất thường và nhiều nhà vườn trồng gừng bón thừa phân đạm nên củ gừng dễ bị hư úng.

RAU QUẢ



Thị trường rau trong tuần qua tại Đà Lạt nhìn chung biến động không nhiều so với tuần trước. Các loại rau đều có giá ổn định so với tuần trước, chỉ có mặt hàng rau cải thảo tăng 1000-1500đ/kg. Dự báo từ nay đến cuối năm, nguồn rau sẽ khan hiếm do thời tiết không thuận lợi tại nhiều vùng trồng rau, làm cho giá sẽ tăng.



Tình hình xuất nhập khẩu: 10 tháng đầu năm nay, các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Dubai ngày càng gia tăng đơn hàng nhập khẩu đối với mặt hàng chuối, nhưng doanh nghiệp Việt Nam không đủ khả năng để cung ứng. Lý giải nguyên nhân khiến chuối khan hiếm, hầu hết các chủ doanh nghiệp đều cho rằng sản phẩm Việt còn thiếu chất lượng, quy mô canh tác thiếu tập trung. Các nhà nhập khẩu thường quy định trái chuối phải tròn đều, độ sáng nhất định, nải chuối khoảng 30 trái hoặc nặng 3 - 5 kg. Thế nên, lượng hàng xuất khẩu đạt tiêu chuẩn mỗi năm chỉ khoảng 1.000 - 3.000 tấn. Để nâng cao nội lực trong thời gian tới, các doanh nghiệp cho biết, đang tiến hành liên kết với người nông dân, hỗ trợ về kỹ thuật và cây giống để sản phẩm ra thị trường đạt chất lượng hơn. Tuy nhiên, để làm được điều này đòi hỏi phải là một quá trình dài và có nguồn vốn lớn.

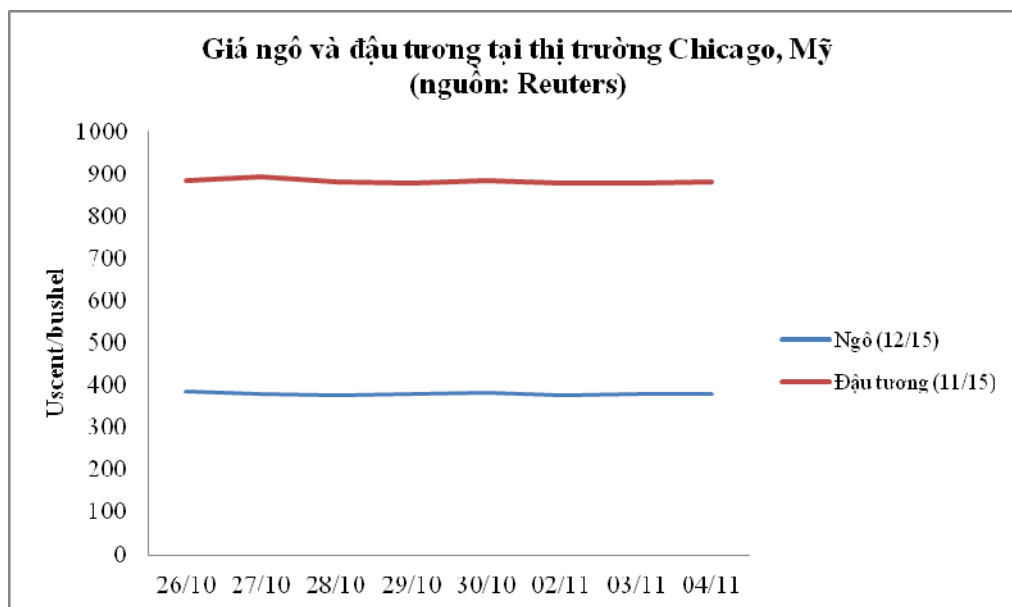
Theo số liệu Hải quan, tuần qua mặt hàng trái cây được xuất khẩu chính là chuối xanh sang thị trường Nga với mức giá là 0,6 USD/kg. Trong khi đó, mặt hàng trái cây tươi nhập khẩu chính trong tuần là nho đen từ Mỹ với giá là 2,7 USD/kg và kiwi từ Newzealand với giá là 2,5 USD/kg.

C.D.H

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Thị trường thế giới: Tuần qua thị trường nông sản khá trầm lắng. Tại thị trường kỳ hạn Chicago, Mỹ, giá ngô bình quân tuần giảm 1% từ mức giá 381 Uscent/bushel xuống còn 379 Uscent/bushel so với tuần trước. Tương tự, giá đậu tương bình quân tuần cũng giảm 1% từ mức giá 884 Uscent/bushel xuống còn 879 UScent/bushel. Nguồn cung dồi dào, nhu cầu thấp là những nguyên nhân giá ngô và đậu tương giảm tại nhiều thị trường. Được biết, thời tiết thuận lợi đã giúp cho cây trồng phát triển tốt, sản lượng ngô và đậu tương tăng cao.

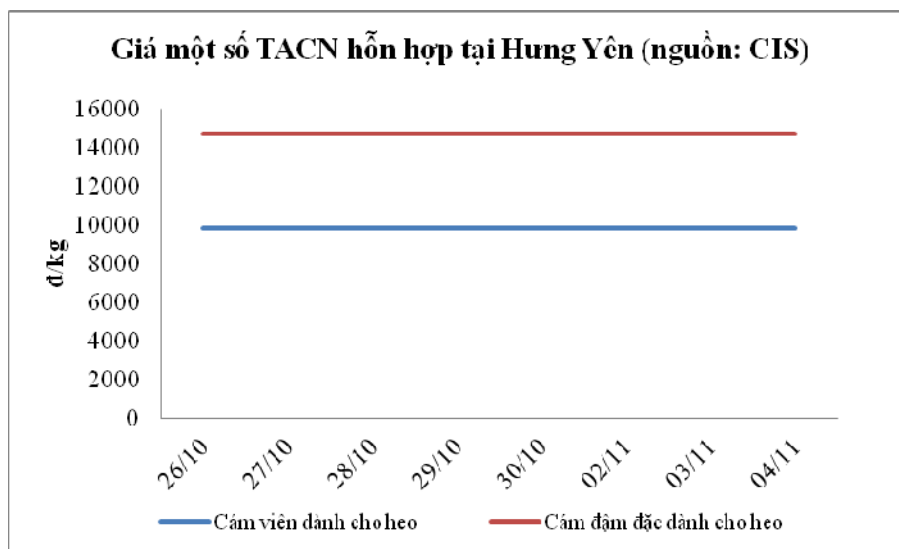


Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), lượng xuất khẩu đậu tương toàn cầu niên vụ 2015/16 sẽ đạt 127,2 triệu tấn, tăng 3,9 triệu tấn so với niên vụ trước. Trong khi đó, lượng nhập khẩu đậu tương toàn cầu niên vụ này đạt 123,9 triệu tấn, tăng 3,7 triệu tấn so với niên vụ trước do nhu cầu nhập khẩu đậu tương của Trung Quốc dự báo tăng lên mức 79 triệu tấn. Giá ngô và đậu tương dự báo giảm trong thời gian tới do nhu cầu tiêu thụ ngô giảm và sản lượng đậu tương tăng trong niên vụ 2015/16.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Thị trường trong nước: Tuần qua, giá thức ăn hỗn hợp trong nước vẫn duy trì ở mức ổn định so với tháng trước. Cụ thể, tại Hưng Yên vẫn giữ vững ở mức giá của tuần trước. Cụ thể, giá cám viên và đậm đặc cho heo vẫn giữ ở mức tương ứng là 9.800đ/kg và 14.700 đ/kg.



Theo số liệu thống kê, ước khối lượng đậu tương nhập khẩu trong tháng 10/2015 đạt 23 nghìn tấn với giá trị 12 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 10 tháng đầu năm 2015 đạt 1,29 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 592 triệu USD, tăng 1,1% về khối lượng nhưng giảm 20,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

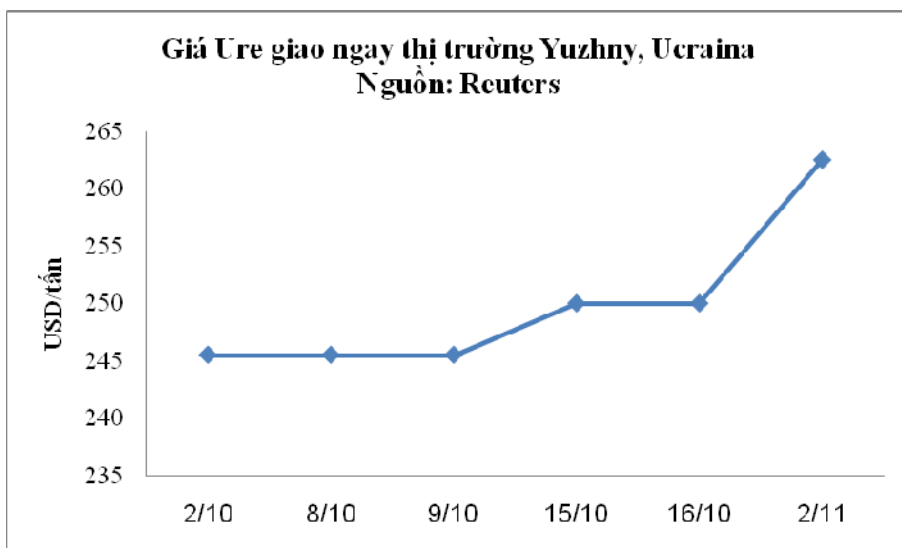
Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu trong tháng 10/2015 đạt 584 nghìn tấn với giá trị đạt 119 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 10 tháng đầu năm 2015 đạt 5,72 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 1,26 tỷ USD, tăng 55,8% về khối lượng và tăng 32,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Braxin và Achantina là hai thị trường nhập khẩu chính của mặt hàng này, chiếm lần lượt là 53,4% và 41,8% tổng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này. Thị trường có giá trị tăng đột biến so với cùng kỳ là Achantina gấp hơn 10 lần về khối lượng và gần 9 lần về giá trị.

C.D.H

PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Thị trường Ure thế giới có xu hướng tăng trong tuần qua. Giá Ure giao ngay thị trường Yuzhny, Ucraina tăng 12,5 USD/tấn lên 262,5 USD/tấn. Giá Ure giao ngay tại Vịnh Mỹ tăng 3 – 4 USD/tấn lên 248 – 249 USD/tấn. Giá Ure giao tháng 12 ở mức 253 USD/tấn.



Tại Trung Quốc giá urê hạt đục hiện đang ở mức 253-256 USD/tấn FOB. Lượng urê dự trữ của Trung Quốc tại các kho ngoại quan vào khoảng 1-1,3 triệu tấn. Giá dự thầu bán 9,000 tấn urê của Ai Cập hiện lên đến 293-294 USD/tấn FOB.

Công ty Ameropa, Indonesia có kế hoạch vận chuyển một chuyến hàng 44.000 tấn urê hạt đục từ Bontang Indonesia đi ngày 07- 09/11, giao đến Continent, Baltic. Cước vận chuyển hàng dưới 20 USD/tấn. Chuyến hàng này cho thấy sự hấp dẫn của thị trường châu Âu đối với các nhà sản xuất Ure châu Á.

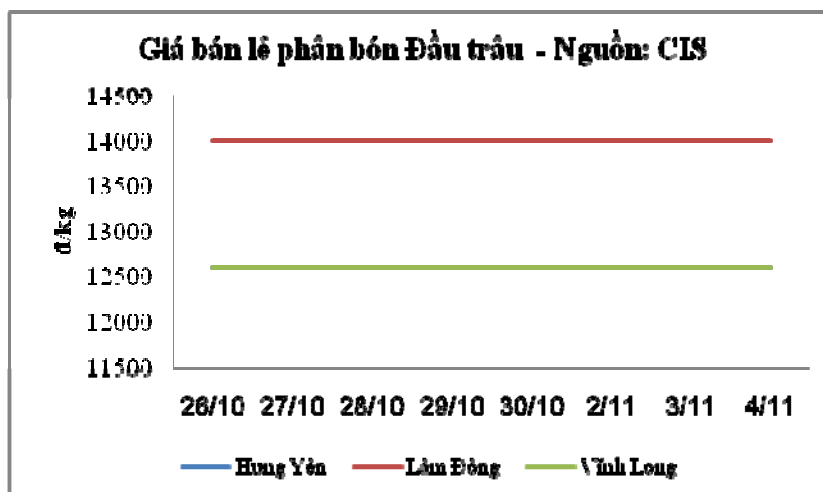
Trong 9 tháng của năm 2015, Thái Lan đã nhập 1,66 triệu tấn phân urê, giảm 5,54% tức giảm gần 100,000 tấn so với cùng kỳ năm 2014. Trong tháng 9, nước này đã nhập 167.000 tấn urê, giảm 17% so với tháng 9 năm ngoái và giảm 17.000 tấn so với khối lượng nhập khẩu của tháng 8 năm 2015. Trong đó, 700.000 tấn urê được nhập khẩu từ Ả - rập Xê-út , 304.000 tấn nhập từ Qatar, 230.000 từ Malaysia và 130.000 tấn là từ Kuwait.

Nhập khẩu urê của New Zealand trong 9 tháng của năm 2015 đạt 359.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 9, nước này đã nhập 59.000 tấn urê, trong đó có 30.000 tấn từ Ả - rập Xê-út và 27.000 tấn từ Indonesia. Từ đầu năm đến nay đã có 214.000 tấn urê của Ả-Rập Xê-út được nhập vào nước này.

PHÂN BÓN



Thị trường trong nước: Hiện cả nước đang chuẩn bị cho vụ đông xuân. Dự báo, tổng nhu cầu phân bón các loại cho vụ đông xuân khoảng hơn 4 triệu tấn, trong đó urê là 970 ngàn tấn. Thị trường phân bón nhờ có nguồn cung dồi dào nên giá vẫn ổn định trong tuần qua.



Tại các tỉnh miền Bắc, mặt hàng phân bón giao dịch chậm. Ure Trung Quốc hạt trong dao động trong khoảng 7.350 - 7.400 đồng/kg; ure Trung Quốc hạt đục 7.700 - 7.750 đồng/kg; ure Phú Mỹ 7.800 - 7.850 đồng/kg; ure Hà Bắc 7.750 - 7.800 đồng/kg; ure Ninh Bình 7.550 - 7.600 đồng/kg. Tại các tỉnh duyên hải miền Trung, do đã hết vụ chăm bón nên thị trường phân bón giao dịch mua bán rất ít, giá ure Phú Mỹ 7.650 - 7.700 đồng/kg. Tại miền Tây Nam bộ, giá các mặt hàng phân bón ổn định, lượng hàng tiêu thụ thấp. Giá ure hạt trong và hạt đục (Trung Quốc) xấp xỉ 7.000 đồng/kg... TP.Hồ Chí Minh, giá phân bón ổn định trong suốt những tháng qua, giá ure hiện đang giao dịch ở mức 7.400 - 7.800 đồng/kg.

Bên cạnh thuận lợi là giá phân bón cả thế giới và trong nước đều giảm, nguồn cung ổn định thì hiện nay, các nhà máy sản xuất phân bón trong nước cũng đang trong thời gian hoạt động ổn định và chạy hết công suất. Chính vì thế, dự kiến lượng phân bón cho vụ đông xuân sẽ khá dồi dào.

Theo Tổng công ty Phân bón và hóa chất dầu khí (PVFCCo), Nhà máy đạm Phú Mỹ đang được vận hành ổn định với 100% công suất thiết kế và sẽ cung ứng ra thị trường gần 400.000 tấn đạm Phú Mỹ, đáp ứng trên 40% nhu cầu phân đạm trong vụ đông xuân. Đồng thời, từ đầu tháng 9/2015, các lô hàng được PVFCCo nhập khẩu từ các nhà cung cấp chất lượng, uy tín tại các nước phát triển như Nga, Hàn Quốc cũng đã cập cảng, đóng bao, gồm: 30.000 tấn NPK, 35.000 tấn kali, 15.000 tấn DAP.



TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU ĐIỀU VIỆT NAM

Có thể nói, trong khi nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam (VN) còn đang tìm kiếm thị trường xuất khẩu (XK) thì ngay từ năm 2006, ngành điều VN đã thành quốc gia XK nhân điều lớn nhất thế giới với thị trường gồm trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Sau 26 năm tham gia XK (1988 - 2014), ngành điều Việt Nam khẳng định được vị thế, chiếm lĩnh thị trường toàn cầu. Trong những năm qua, điều là một trong số ít những ngành hàng nông sản chủ lực vẫn giữ được sự tăng trưởng tốt về XK. Năm 2015, trong bối cảnh nhiều mặt hàng gặp khó thì ngành điều được dự báo sẽ đạt kim ngạch XK kỷ lục 2,5 tỷ USD.



Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 10 năm 2015 ước đạt 28 nghìn tấn với giá trị 202 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2015 đạt 272 nghìn tấn với 1,97 tỷ USD, tăng 6,3% về khối lượng và tăng 18,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2015 đạt 7.263 USD/tấn, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2014. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm lần lượt 35,67%, 12,92% và 12,86% tổng giá trị xuất khẩu. Các thị trường có giá trị tăng mạnh là Đức (68,35%), Thái Lan (45,19%), Anh (40,52%, Hà Lan (37,21%) và Hoa Kỳ (30,37%).

Nhu cầu thế giới

Từ nhiều năm nay, trên thị trường thế giới, hạt điều được xếp vào giỏ hàng chung với các loại hạt khô và quả khô như hạnh nhân, óc chó, lạc, phỉ, mắc ca, dẻ, hồ đào, nho khô, táo khô... Giỏ hàng này gồm những thực phẩm có nguồn gốc thực vật, giàu dinh dưỡng và đặc biệt là rất phù hợp với nhu cầu ăn uống lành mạnh đang ngày càng gia tăng trên thế giới. Đó là nhu cầu sử dụng các thực phẩm có nguồn gốc thực vật, gần với tự nhiên, giàu dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe con người. Đây chính là cơ hội mở rộng thị trường cho giỏ hàng hạt khô và quả khô. Mà hạt điều đang nằm trong tốp những loại hạt khô được tiêu thụ nhiều nhất, phổ biến nhất.

Theo ước tính, nhu cầu tiêu dùng nhóm hàng này đang gia tăng khoảng 10%/năm trên toàn cầu. Trong khi đó, khả năng tăng diện tích cũng như sản lượng của các loại hạt khô nói chung, hạt điều nói riêng hiện đang thấp hơn nhiều so với sự gia tăng về nhu cầu. Riêng về hạt điều, sản lượng điều thô hàng năm trên thế giới hiện vào khoảng 2,7 triệu tấn. Việt Nam và các nước trồng điều lớn khác, nhất là các nước châu Phi, đang cố gắng tăng sản lượng điều. Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia, sản lượng điều thô toàn cầu chỉ có thể tăng được trên dưới 5%/năm. Do đó, dư địa của thị trường thế giới vẫn còn khá nhiều cho hạt điều.



Trong những năm tới, việc tiêu thụ hạt điều vẫn rất ổn định. Điều đáng chú ý, tuy nằm cùng giỏ hàng với nhiều loại hạt và quả khô, nhưng hạt điều ít bị cạnh tranh về mặt thị trường với các loại hạt, quả khô khác. Không những thế, việc tiêu thụ những loại hạt khô còn có tác động tương hỗ cho nhau. Chẳng hạn, khi giá hạt hạnh nhân trên thị trường thế giới tăng thì giá hạt điều cũng tăng. Khi giá hạt hạnh nhân giảm, giá hạt điều cũng giảm... Các loại hạt khô lại không bị biến động nhiều về giá cả mỗi khi có biến động trên thị trường thế giới, bởi có khả năng bảo quản lâu từ 1-5 năm. Vì thế sự rủi ro về mặt thị trường đối với hạt khô nói chung, hạt điều nói riêng là không nhiều.

Thị trường xuất khẩu của hạt điều Việt Nam rất đa dạng, góp phần giảm thiểu tính rủi ro khi xuất khẩu mặt hàng này. Không như nhiều mặt hàng nông sản chủ lực khác đang phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc hay một vài thị trường lớn, đầu ra của hạt điều lại không phụ thuộc vào một thị trường nào. Thị trường Mỹ hiện là lớn nhất của hạt điều Việt Nam nhưng cũng chỉ chiếm 31,5% về lượng và xấp xỉ 32% về giá trị XK điều của nước ta năm 2014. Ngoài Mỹ, EU và Trung Quốc là 3 thị trường lớn nhất hiện nay, hạt điều Việt Nam đã được XK tới trên 50 thị trường tại khắp các châu lục.

Đối thủ cạnh tranh

Tất nhiên, khi tình hình tài chính, kinh tế thế giới có những bất ổn lớn, khiến cho người tiêu dùng phải thắt lưng buộc bụng, giảm bớt chi tiêu, thì việc tiêu thụ hạt điều cũng sẽ bị ảnh hưởng, nhất là khi hạt điều chưa phải là thực phẩm mang tính thiết yếu, bắt buộc phải sử dụng hàng ngày như lương thực, thịt, rau... Vì thế, khi tính tới tiềm năng mở rộng thị trường trong những năm tới cho hạt điều cũng cần tính tới điều này.

Mặt khác, việc Trung Quốc (nước NK điều lớn) và nhiều nước châu Phi (vốn chỉ XK điều thô) đang có những động thái phát triển ngành chế biến điều nội địa chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng nhất định tới ngành hàng điều của Việt Nam trong tương lai.

Tuy nhiên, mặt hàng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam vẫn có nhiều triển vọng phát triển. Bởi về mặt nguyên liệu, so với Trung Quốc phải nhập khẩu hoàn toàn thì Việt Nam có lợi thế hơn hẳn là có vùng nguyên liệu đáp ứng được gần một nửa công suất chế biến. Còn so với các nước châu Phi, hạt điều của Việt Nam có chất lượng tốt hơn hẳn. Thương hiệu hạt điều Việt Nam đã xây dựng được vị trí vững chắc trên thị trường thế giới. Các khách hàng khi muốn mua nhân điều chất lượng tốt, sản lượng lớn, giá cả hợp lý thì thường tìm đến Việt Nam.

Một điều cũng rất quan trọng là Việt Nam đã hình thành được một ngành công nghiệp chế biến điều mà chủ yếu bằng máy móc, công nghệ trong nước, giúp giảm được khá nhiều công lao động, giảm mạnh chi phí sản xuất, tỷ lệ nhân thu hồi cao, tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt... Đi kèm với đó là hệ thống các dịch vụ hỗ trợ như logistic, kho bãi, đóng gói... hiện đã khá tốt, trong khi các nước châu Phi còn rất yếu kém cả về chế biến lẫn dịch vụ hỗ trợ.



Trung Quốc có tiềm năng xuất khẩu hạt điều hơn châu Phi vì Trung Quốc có máy móc, công nghệ và thực tế họ cũng đã thực sự bắt tay vào chế biến điều từ nguồn nguyên liệu NK. Nhưng Trung Quốc gặp phải hạn chế lớn những khâu ban đầu (cắt, bóc vỏ...) do mất rất nhiều thời gian, công sức. Do vậy, các doanh nghiệp Trung Quốc cũng đang phải làm như các doanh nghiệp ở những thị trường lớn khác là Mỹ, EU..., tức là chủ yếu NK nhân điều về rang, chiên trong khi chỉ có thể NK ít điều thô về chế biến ngay từ đầu như Việt Nam. Do đó, Trung Quốc vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nhân điều NK, trong đó có nguồn cung quan trọng là Việt Nam.



Trong những năm tới, đối thủ chính của nhân điều Việt Nam vẫn sẽ là Ấn Độ. Với Ấn Độ, Việt Nam lại đang có nhiều lợi thế hơn, nhất là về chi phí, giá thành sản xuất.

Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng điều

Để tiếp tục gia tăng giá trị XK một cách bền vững, giữ được vị thế nước XK điều số 1 thế giới, ngành điều Việt Nam cần phải đẩy mạnh chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng thay vì vẫn đang XK phần lớn là nhân điều sơ chế như hiện nay. Đồng thời phải quan tâm, kiểm soát chặt chẽ hơn về an toàn thực phẩm (ATTP) trong chế biến nhân điều để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng khắt khe từ các thị trường khó tính.

Hiện nay, số lượng cơ sở chế biến điều ở nước ta khá nhiều, trong đó có hàng trăm cơ sở chỉ được xếp loại B, C về điều kiện đảm bảo ATTP. Nhưng Việt Nam lại chưa có chế tài, giải pháp nào để bắt buộc các cơ sở hạng C, hạng B phải cải thiện điều kiện sản xuất đảm bảo ATTP ngang tầm với các cơ sở xếp hạng B, hạng A. Vì vậy nhiều cơ sở không đảm bảo ATTP vẫn đang tiếp tục chế biến điều, điều này gây tổn hại tới uy tín chung của hạt điều Việt Nam.

Một vấn đề nữa là Việt Nam cần siết chặt chất lượng điều thô nhập khẩu. Hiện nay, ngành điều vẫn còn chạy theo số lượng, vì thế, mỗi năm phải NK khá nhiều điều thô. Về lâu dài, điều này tiềm ẩn những rủi ro không nhỏ. Nếu xuất hiện thêm một nước nào đó cạnh tranh với Việt Nam về chế biến nhân điều, thì chắc chắn việc NK nhân điều của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ trở nên khó khăn hơn. Do đó, ngành điều cần có sự điều chỉnh lại, thay vì chạy theo số lượng thì đi sâu vào chất lượng để nâng cao giá trị sản phẩm XK. Các doanh nghiệp cần tập trung vào chế biến sản phẩm nhân điều chất lượng cao và các sản phẩm chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị XK và lợi nhuận.



Một điều đáng lo ngại trong NK điều thô hiện nay là điều thô không được kiểm soát tốt về chất lượng. Điều thô NK về Việt Nam tuy phải qua kiểm dịch thực vật nhưng nhiều khi vẫn còn khá hình thức. Trong khi đó, những chỉ tiêu quan trọng khác như độ ẩm, tỷ lệ nhân thu hồi, ATTP... thì gần như đang bị buông lỏng. Vì thế, đã có không ít lô điều thô NK có chất lượng rất kém. Vì thế, Nhà nước cần phải tăng cường kiểm soát chất lượng điều thô NK, đưa ra các quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với điều thô NK như độ ẩm, tỷ lệ nhân thu hồi, chỉ tiêu ATTP... Khi đưa ra các tiêu chuẩn, quy chuẩn để siết lại chất lượng điều thô NK, chắc chắn giá điều thô NK về Việt Nam sẽ tăng lên, qua đó đẩy giá điều thô trong nước lên, giúp người trồng điều Việt Nam gia tăng được lợi nhuận. Từ đó, chất lượng điều cũng sẽ được nâng cao, sản phẩm chế biến từ nhân điều NK sẽ được giá hơn. Như vậy, nếu chất lượng điều thô NK được kiểm soát kỹ, cả doanh nghiệp lẫn người trồng điều Việt Nam đều được lợi.

HNN

Tài liệu tham khảo:

- Báo Nông nghiệp Việt Nam
- Báo Công Thương
- Thông tấn xã Việt Nam
- Tintucnongnghiep.com, vinanet.com.vn
- Tổng Cục Hải quan
- Báo Điện tử Chính phủ

CÁ TRA VẼN CHỊU THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ TẠI MỸ

Cục Quản lý cạnh tranh, Bộ Công Thương cho biết Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra quyết định sơ bộ đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 11 (POR11) cho giai đoạn từ ngày 1-8-2013 đến 31-7-2014 đối với sản phẩm cá tra, ba sa nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo đó, Bộ Thương mại Mỹ quyết định sơ bộ đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 11 (POR11) đối với sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh của Việt Nam như sau:



Mức thuế tạm thời cho Công ty Hùng Vương là 0,36 USD/kg và Công ty Thuận An là 0,84 USD/kg (2 đơn vị bắt buộc); 16 doanh nghiệp là bị đơn tự nguyện chịu mức thuế 0,6 USD/kg; Thuế suất toàn quốc vẫn ở mức 2,39 USD/kg.

Như vậy, có thể thấy mức thuế lần này giảm khá nhiều so với mức thuế trong quyết định cuối cùng trong POR10 là 0,97 USD/kg.

Dự kiến trong vòng 120 ngày kể từ khi quyết định sơ bộ được đăng trên công báo Liên bang, DOC sẽ ra quyết định cuối cùng. Các bên sẽ có 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo để bình luận về kết luận sơ bộ.

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Thương mại, Bộ Công Thương)

XÓA BỎ THUẾ 90% SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP NHẬP KHẨU TỪ MỸ TRONG VÒNG 5 NĂM

Mới đây, Bộ Nông nghiệp Mỹ đã công bố bản tóm tắt Hiệp định TPP về nông nghiệp, trong đó nêu rõ chi tiết từng mặt hàng nông nghiệp mà Mỹ đang xuất sang thị trường Việt Nam cùng lộ trình giảm hoặc xóa bỏ hoàn toàn rào cản thuế của Việt Nam đối với từng mặt hàng này.

Theo nội dung của bản tóm tắt, Việt Nam sẽ bãi bỏ thuế quan áp dụng cho trên 90% sản phẩm hiện đang nhập khẩu từ Mỹ trong vòng năm năm tới hoặc có thể sớm hơn.

Lĩnh vực chăn nuôi

Đối với các sản phẩm từ thịt lợn, Mỹ xuất khẩu sang thị trường Việt Nam với giá trị 2.2 triệu USD. Sau khi TPP có hiệu lực, mức thuế suất áp dụng cho thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn hiện tại là 30% sẽ được loại bỏ từ 5 – 10 năm. Một số sản phẩm riêng biệt như thịt đông lạnh, thịt tươi áp dụng thời gian loại bỏ từ 8 – 10 năm.



Đối với các sản phẩm từ thịt bò, giá trị xuất khẩu từ Mỹ sang thị trường Việt Nam là 22.1 triệu USD trong năm 2014. Sau khi TPP có hiệu lực, mức thuế suất áp dụng cho thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò, hiện tại là hơn 34%, sẽ được loại bỏ từ 3 – 8 năm. Thuế suất với các sản phẩm bắp bò tươi và đông lạnh sẽ được loại bỏ trong 3 năm.

Đối với các sản phẩm gia cầm đạt giá trị xuất khẩu 92.7 triệu USD từ Mỹ sang thị trường Việt Nam trong năm 2014. Sau khi TPP có hiệu lực, mức thuế suất áp dụng cho gia cầm và các sản phẩm thị hiện tại là 40% sẽ được loại bỏ sau 13 năm. Thuế suất áp dụng cho sản phẩm thịt gà đông lạnh sẽ được loại bỏ sau 11 năm.

Đối với các sản phẩm từ sữa, Mỹ xuất khẩu 264 triệu USD sang Việt Nam trong năm 2014. Sau khi TPP có hiệu lực, thuế suất áp dụng cho các sản phẩm này, hiện tại là 20%, sẽ bị loại bỏ trong vòng 5 năm. Thuế suất các sản phẩm từ pho mát, bột sữa và sữa nước sẽ bị loại bỏ ngay lập tức.

Lĩnh vực nông nghiệp

Đối với gạo và các sản phẩm từ gạo, hiện tại mức thuế suất đang được Việt Nam áp dụng cho gạo nhập khẩu từ Mỹ là 40% sẽ được loại bỏ ngay lập tức.

Các sản phẩm chế biến từ gạo hiện có mức thuế suất 34% sẽ được loại bỏ trong vòng 8 năm.

Đối với lúa mạch và các sản phẩm từ lúa mạch, Mỹ không xuất khẩu lúa mạch sang Việt Nam trong năm 2014. Sau khi TPP có hiệu lực, mức thuế suất cho lúa mạch và các sản phẩm từ lúa mạch mà Việt Nam áp dụng sẽ được giữ ở 0% và 15% thuế suất đối với bột lúa mạch sẽ loại bỏ sau 4 năm.

Đối với lúa mì và các sản phẩm từ lúa mì, mức thuế áp dụng hiện tại là 35% sẽ được loại bỏ trong vòng 4 năm.

Đối với sản phẩm rau xanh và quả chế biến, mức thuế hiện tại là 40% sẽ được loại bỏ sau 11 năm hoặc nhanh hơn, một số sản phẩm sẽ được loại bỏ thuế ngay lập tức.

Đối với ngô và các sản phẩm từ ngô, Mỹ xuất khẩu sang thị trường Việt Nam với giá trị 270 triệu USD trong năm 2014. Sau khi TPP có hiệu lực, thuế suất của Việt Nam áp dụng cho ngô và các sản phẩm từ ngô, hiện tại là hơn 20%, sẽ bị loại bỏ từ 4 – 7 năm.

Đối với khoai tây và các sản phẩm từ khoai tây, mức thuế hiện áp dụng là 34% sẽ bị loại bỏ trong vòng 6 năm. Sản phẩm khoai tây chiên đông lạnh với thuế suất 13% sẽ được loại bỏ sau 4 năm.

Đối với bông, kim ngạch xuất khẩu của Mỹ là 393 triệu USD trong năm 2014. Sau khi TPP có hiệu lực, các loại thuế mà Việt Nam áp dụng cho sản phẩm này, hiện tại là 10%, sẽ được loại bỏ trong vòng 4 năm.

Đối với trái cây, các sản phẩm táo, lê và cherry, mức thuế hiện tại là 10% sẽ được loại bỏ trong 3 năm. Đối với các sản phẩm thuộc họ cam quýt, cam tươi hiện đang áp dụng thuế suất 20% sẽ được loại bỏ trong 4 năm; thuế suất 20% đối với chanh sẽ được loại bỏ trong 3 năm và thuế suất áp dụng cho các sản phẩm nước ép hiện tại là 25% sẽ được loại bỏ từ 5 – 8 năm.

Đối với lạc và các sản phẩm từ lạc, hiện đang áp dụng mức thuế suất là 30% sẽ được loại bỏ trong vòng 8 năm.

Đối với đậu nành và các sản phẩm từ đậu nành, hiện kim ngạch xuất khẩu của Mỹ sang Việt Nam là 523 triệu USD. Mức thuế suất áp dụng cho các sản phẩm này hiện tại là 30% sẽ được loại bỏ từ 3 – 11 năm.

Đối với hạt cây, các sản phẩm này đang chịu mức thuế suất là 35%, sau khi TPP có hiệu lực, mức thuế suất này sẽ được xóa bỏ trong khoảng thời gian từ 3 – 6 năm.

Lĩnh vực chế biến từ nông nghiệp

Đối với sản phẩm nước hoa quả, Mỹ xuất khẩu sang Việt Nam với giá trị 22 triệu USD trong năm 2014. Sau TPP, mức thuế suất 40% áp dụng cho các sản phẩm này sẽ được loại bỏ trong vòng 8 năm.

Đối với các sản phẩm qua chế biến, Mỹ xuất khẩu với giá trị 604 triệu USD sang Việt Nam trong năm 2014. Hầu như các sản phẩm này được áp thuế suất hiện tại là 55%, sau TPP, mức thuế này sẽ được xóa bỏ trong vòng 12 năm. Thuế suất áp dụng cho các sản phẩm như bánh ngọt, bánh quy, bánh mì và các sản phẩm từ tinh bột sẽ bị loại bỏ sau 8 năm.

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Thương mại, Bộ Công Thương)

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Trong nước										
Cà phê nhân xô vôi	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	34700	34400	34500	34900	35400	35800	35500	35800
Cà phê nhân xô vôi	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	34300	34300	34300	34500	35000	35500		35200
Thế giới										
Cà phê Robusta (11/15)	London - Anh	USD /tấn	1524	1526	1540	1566	1616	1595	1608	1628

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	32000	32000	32000	32000	32000	32000	32000	32000
Gà trống ta hơi	An Giang- Thoại Sơn	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000
Lợn hơi	Vĩnh Long-Chợ Vũng Liêm	đ/kg	39500		40000		40000	40000		40000
Lợn hơi	An Giang- Thoại Sơn	đ/kg	38000	37000	37000	37000	37000	37000	37000	37000
Thế giới										
Lợn hơi (12/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	62,85	61,25	61,4	59,875	59,2	58,225	58,225	57,375

CAO SU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Trong nước										
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Bình Phước-Phước Long	đ/kg	7040		6400		6400	7040		7040
Thế giới										
cao su RSS3 (11/15)	TOCOM-Nhật Bản	Yên/kg	151,9	146	145,5	147,5	144,9	142,9		136,8
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	47,25	46,75	46,25	46,25	46,25	46	45,5	45
SIR20 BELAWAN NN (11/15)	Indonesia	Uscent /kg		140,5		138,5	138,5		136,5	

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800		9800	9800		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	14700		14700		14700	14700		14700
Thế giới										
Ngô (12/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	384,5	380	376	380	382,25	376,5	380,5	380,5
Đậu tương (11/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	885	891,25	881,5	878,75	883,75	877,75	878,5	882

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	130000	130000		130000	130000	130000	130000	
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	200000	200000		200000	200000	200000	200000	
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	150000	150000		150000	150000	150000	150000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	13000	13000		13000	13000	13000	13000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	8000	8000		8000	8000	8000	8000	
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg					4,28			

PHÂN BÓN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Trong nước										
Phân Đầu trâu L1	Hung Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng	đ/kg	12600		12600		12600	12600		12600
NPK cò pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
NPK 20-20-15	Vĩnh Long- Bình Minh	đ/bao 50kg	630000		630000		630000	630000		630000
Thế giới										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn						262,5		

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Đường trắng (12/15)	London -Anh	USD /tấn	392,2	388,6	393,6	392,3	391,4	407,5	417,7	396,4

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Gỗ xẻ (11/15)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	257	255	257,8	256	253,7	249	246,2	243,1

HẠT TIÊU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			19/10	20/10	21/10	22/10	23/10	26/10	27/10	28/10
Hạt tiêu đen	Bình Phước- Huyện Bù Đốp	đ/kg	197000		195000		195000	198000		198000
Hạt tiêu đen	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	187000	187000	186000	188000	188000	188000	188000	185000

HẠT ĐIỀU							
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY				
			26/10	28/10	30/10	2/11	4/11
Hạt điều khô mua xô	Bình Phước-Huyện Bù Đăng	đ/kg	36500	37500	37500	37500	37000

RAU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	2/11	3/11	4/11
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	5000	5000	5000	5000	5000	5000	5000	5000
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	18000	18000	18000	18000	18000	18000	18000	18000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	55000	55000	55000	55000	55000	55000	55000	55000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	18000	18000	18000	18000	18000	18000	18000	18000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	7000	7000	7500	8000	8000	8500	8500
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	5000	5000	5000	4000	4000	4000	4000	4000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	20000	20000	20000	18000	18000	18000	18000	18000

